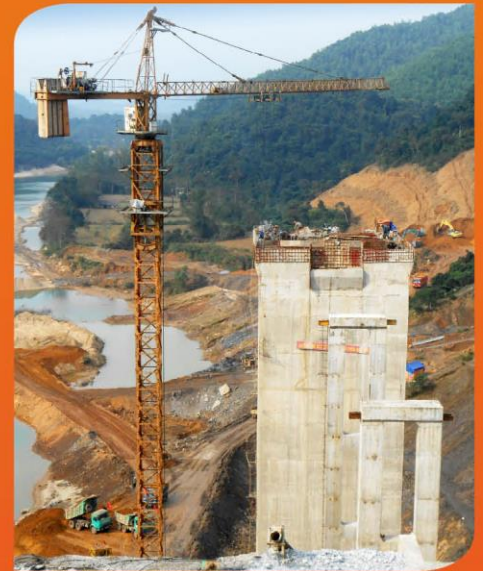


CM Vietnam®

Professional Contractor



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2014

Công ty Cổ phần Xây dựng và Nhân lực Việt Nam

Số 14, phố Đặng Thùy Trâm, Bắc Từ Liêm, Hà Nội

Điện thoại: (84-4) 62690742/43 ; Fax: (84-4) 62690741 ; Email: info@cmvietnam.vn ; Website: www.cmvietnam.vn

MỤC LỤC


PHẦN I	THÔNG TIN CHUNG	1
I	Các cột mốc quan trọng	2
II	Các sự kiện nổi bật trong năm	3
III	Quản trị doanh nghiệp	4
IV	Lĩnh vực hoạt động	8
V	Hoạt động của các Công ty con	17
VI	Công tác an toàn	19
VII	Công tác quản trị rủi ro	20
PHẦN II	CÁC BÁO CÁO	22
I	Báo cáo của HĐQT	23
II	Báo cáo của Ban kiểm soát	28
III	Báo cáo của Ban Tổng giám đốc	32
IV	Thông tin cổ đông/Thành viên góp vốn	43
V	Báo cáo tài chính Hợp nhất đã kiểm toán	45

PHẦN I. THÔNG TIN CHUNG

1. THÔNG TIN DOANH NGHIỆP:	
Tên doanh nghiệp	Công ty Cổ phần Xây dựng và Nhân lực Việt Nam
Tên tiếng Anh	Vietnam Construction & Manpower Joint Stock Company
Tên giao dịch	CM Vietnam.,JSC
Logo Công ty	
Mã số doanh nghiệp	0102307343
Trụ sở chính	Số 14, phố Đặng Thùy Trâm, Bắc Từ Liêm, Hà Nội
Điện thoại	(84-4) 62690742/43
Fax	(84-4) 62690741
Email	info@cmvietnam.vn
Website	www.cmvietnam.vn
Vốn điều lệ	80.000.000.000 đồng (Tám mươi tỷ đồng)
Nơi niêm yết	HNX
Mã chứng khoán	CMS
Số lượng niêm yết	8.000.000 cổ phiếu
2. NGÀNH NGHỀ KINH DOANH CHÍNH:	
<ul style="list-style-type: none">◇ Xây dựng công trình hạ tầng trong nước;◇ Xây dựng đường hầm;◇ Xây dựng công trình giao thông;◇ Cung ứng và quản lý nguồn lao động đi làm việc tại nước ngoài (Theo giấy phép 449/LĐTĐ-BXH-GP ngày 28/01/2015);◇ Kinh doanh buôn bán vật liệu xây dựng, máy móc thiết bị;◇ Kinh doanh bất động sản;	

I. CÁC CỘT MỐC QUAN TRỌNG

2014: CMVietnam tăng vốn điều lệ thành công từ 50 tỷ đồng lên 80 tỷ đồng. Chính thức chuyển từ mô hình nhận thầu nhân công quốc tế sang mô hình nhà thầu xây lắp quốc tế bằng việc ký kết và triển khai hợp đồng dự án thủy điện Xe pian Xenamnoy tại Lào.

2013: Công ty đã kích hoạt thành công nhận diện thương hiệu mới:  ; chính thức đổi tên thành: Công ty Cổ phần Xây dựng và Nhân lực Việt Nam; Đồng thời triển khai thành công mô hình nhận thầu nhân công trọn gói tại dự án thủy điện Xayabury – Lào.

2012: CMS tăng vốn điều lệ thành công từ 25 tỷ đồng lên 50 tỷ đồng. Kỷ niệm 5 năm thành lập Công ty và Ký hợp đồng với đối tác Salini cung cấp lao động kỹ thuật triển khai dự án thủy điện Ulu Jelai tại Malaysia.

2011: Công ty được UBCK Nhà nước cấp giấy chứng nhận số 113/GCN-UBCK ngày 11/11/2011 về việc chào bán cổ phiếu ra công chúng tăng vốn điều lệ từ 25 tỷ đồng lên 50 tỷ đồng. Ký được 2 hợp đồng xây lắp lớn với Tập đoàn Than Khoáng sản và Bộ No và PTNT.

2010: Niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX), ngày 29/11/2010 cổ phiếu của Công ty Cổ phần Cavico Xây dựng Nhân lực và Dịch vụ đã chính thức chào sàn với mã chứng khoán: CMS. Tổng số cổ phiếu niêm yết là 2.500.000 cổ phiếu tương đương với giá trị là 25.000.000.000 đồng.

2009: Công ty đã bắt đầu triển khai xây dựng và áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001:2008 và đã được BSI Việt Nam cấp chứng nhận.

2008: CMS đã được Bộ Lao động Thương binh và Xã hội cấp giấy phép đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài số 179/GP-BLĐTB&XH ngày 18/12/2008. Công ty đã trở thành một trong 150 doanh nghiệp được hoạt động trong ngành xuất khẩu lao động, hoàn thiện mô hình nhà thầu nhân công chuyên nghiệp đầu tiên ở Việt Nam với đối tác Nhật Bản.

2007: Công ty Cổ phần Cavico Xây dựng Nhân lực và Dịch vụ (CMS) được thành lập ngày 02 tháng 07 năm 2007 tiền thân là Công ty Cavico Cung ứng Nhân lực, được góp vốn bởi các cổ đông sáng lập bao gồm: Công ty Cavico Xây dựng Cầu hầm, các công ty thành viên trong hệ thống Cavico và các cổ đông là thể nhân với mức vốn điều lệ ban đầu là 6 tỷ đồng.

II. CÁC SỰ KIỆN NỔI BẬT TRONG NĂM

1. Tháng 12/2014, CMVietnam được cấp giấy chứng nhận cải tiến hệ thống quản lý Chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001:2008 và Môi trường theo tiêu chuẩn ISO 14001:2004.
2. Tháng 11/2014, CMVietnam kết thúc hạng mục thi công đập tràn nhà máy thủy điện Xayabury và bàn giao công trình cho Nhà thầu chính Chr Karnchang.
3. Tháng 8/2014, CMVietnam đã liên danh với Tổng công ty Đông Bắc (CMVietnam là đơn vị đứng đầu liên danh) để đấu thầu gói thầu số 32.c - Thi công xây dựng Đập ngăn nước hồ Cầu Tư. Kết quả trúng thầu với giá trị ký hợp đồng là: 90,254 tỷ đồng (Giá trị do CMVietnam thực hiện là 45,6 tỷ đồng).
4. Tháng 6/2014, CMVietnam ký hợp đồng gói thầu số 9 với Tổng thầu SK Engineering & Construction (Hàn Quốc) thi công các hạng mục đào, đắp, bê tông Nhà máy, đường ống áp lực và trạm phân phối điện với giá trị hợp đồng là 7,954 triệu USD.
5. Tháng 6/2014, CMVietnam vinh dự được đón Chủ tịch Quốc hội Nguyễn Sinh Hùng đến thăm công trường XL4 (thi công xây dựng kênh và công trình trên kênh chính Ngàn Trươi đoạn từ K3+612 – K4+806), Chủ tịch Quốc hội Nguyễn Sinh Hùng hoan nghênh tinh thần lao động, sự nỗ lực của các đội ngũ cán bộ công nhân viên đang làm việc hăng say trên công trường.
6. Tháng 4/2014, CMVietnam phát hành cổ phiếu cho đối tác chiến lược tăng vốn điều lệ thành công từ 50 tỷ đồng lên 80 tỷ đồng.
7. Ngày 12/3/2014, CMVietnam tổ chức thành công Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2014.
8. Trong tháng 3/2014, CMVietnam tiếp tục ký hợp đồng số 43/HĐ/XLMT với Tập đoàn CN Than và Khoáng sản thi công công tác đắp đập số 1 - hạng mục công trình Hồ Bùn đỏ thuộc dự án nhà máy sản xuất Alumin Nhân Cơ với giá trị 31,8 tỷ đồng.
9. Trong tháng 3/2014, CMVietnam ký hợp đồng số 26/HĐ/XLMT với Tập đoàn CN Than và Khoáng sản thi công các hạng mục thuộc phạm vi lòng hồ số 1 - công trình Hồ Bùn đỏ thuộc dự án nhà máy sản xuất Alumin Nhân Cơ với giá trị 18,5 tỷ đồng.
10. Cuối tháng 2/2014, CMVietnam trúng thầu gói thầu số 8: Xây dựng bãi thải xỉ và xây dựng đường ô tô từ nhà máy tới bãi thải thuộc dự án Nhà máy nhiệt điện Nông Sơn tỉnh Quảng Nam. Ngày 4/3/2014, CMVietnam đã tiến hành ký hợp đồng với giá trị là 23,8 tỷ đồng và làm lễ khởi công dự án.

III. QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

1. Sơ đồ tổ chức

Hiện tại, Công ty CP Xây dựng và Nhân lực Việt Nam đang áp dụng theo mô hình tổ chức của Công ty Cổ phần. Mô hình quản trị này được xây dựng dựa trên mục tiêu phát triển chiến lược kinh doanh của Công ty, tuân thủ theo các quy định của Pháp luật Việt Nam và các quy định tại Điều lệ Công ty. Qua quá trình phát triển và ngày càng kiện toàn bộ máy quản lý, hiện bộ máy quản lý của Công ty có cơ cấu tổ chức như sau:

2. Đại hội đồng cổ đông

Đại hội đồng cổ đông là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty, có thẩm quyền quyết định các vấn đề:

- Thông qua các báo cáo tài chính hàng năm;
- Thông qua kế hoạch SXKD hàng năm và tỷ lệ chia cổ tức;
- Bầu, bãi miễn và thay thế thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát;
- Bổ sung và sửa đổi điều lệ Công ty;
- Các thẩm quyền khác theo Điều lệ Công ty.

3. Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị là cơ quan có đầy đủ quyền hạn để thực hiện tất cả các quyền nhân danh Công ty trừ những thẩm quyền thuộc về Đại hội đồng cổ đông. Hội đồng quản trị có các quyền và nhiệm vụ sau:

- Quyết định kế hoạch phát triển sản xuất kinh doanh và ngân sách hàng năm;
- Xác định các mục tiêu hoạt động trên cơ sở các mục tiêu chiến lược được Đại hội đồng cổ đông thông qua;
- Bổ nhiệm và bãi nhiệm các cán bộ quản lý công ty, theo đề nghị của Tổng Giám đốc điều hành và quyết định mức lương của họ;
- Quyết định cơ cấu tổ chức của Công ty;
- Đề xuất các loại cổ phiếu có thể phát hành và tổng số cổ phiếu phát hành theo từng loại;
- Bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức Tổng Giám đốc điều hành hay cán bộ quản lý hoặc người đại diện của Công ty khi Hội đồng quản trị cho rằng đó là vì lợi ích tối cao của Công ty;
- Đề xuất mức cổ tức hàng năm và xác định mức cổ tức tạm thời; tổ chức việc chi trả cổ tức;
- Các quyền và nhiệm vụ khác theo Điều lệ Công ty.

Thành viên HĐQT

Ông Phạm Minh Phúc

Chủ tịch HĐQT

Ông Kim Ngọc Nhân

Phó CT HĐQT kiêm TGD

Ông Nguyễn Văn Phi

Thành viên HĐQT

Ông Đào Tiến Dương

Thành viên HĐQT

Bà Nguyễn Thị Loan

Thành viên HĐQT

4. Ban Kiểm soát

Là cơ quan trực thuộc ĐHĐCĐ, do ĐHĐCĐ bầu ra. Ban kiểm soát có nhiệm vụ kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp trong điều hành hoạt động kinh doanh, báo cáo tài chính của Công ty. Ban kiểm soát hoạt động độc lập với HĐQT và Ban Giám đốc.

Ban kiểm soát có quyền và nhiệm vụ sau:

- Đề xuất lựa chọn công ty kiểm toán độc lập, mức phí kiểm toán và mọi vấn đề liên quan đến sự rút lui hay bãi nhiệm của công ty kiểm toán độc lập;
- Thảo luận với kiểm toán viên độc lập về tính chất và phạm vi kiểm toán trước khi bắt đầu việc kiểm toán;
- Xin ý kiến tư vấn chuyên nghiệp độc lập hoặc tư vấn về pháp lý và đảm bảo sự tham gia của những chuyên gia bên ngoài công ty với kinh nghiệm trình độ chuyên môn phù hợp vào công việc của công ty nếu thấy cần thiết;
- Kiểm tra các báo cáo tài chính hàng năm, sáu tháng và hàng quý trước khi đệ trình Hội đồng quản trị;
- Thảo luận về những vấn đề khó khăn và tồn tại phát hiện từ các kết quả kiểm toán giữa kỳ hoặc cuối kỳ cũng như mọi vấn đề mà kiểm toán viên độc lập muốn bàn bạc;
- Xem xét thư quản lý của kiểm toán viên độc lập và ý kiến phản hồi của ban quản lý công ty;
- Các quyền và nhiệm vụ khác theo Điều lệ Công ty.

Thành viên BKS

Ông Phạm Hồng Anh

Trưởng BKS

Bà Trương Thị Luyến

Thành viên BKS

Ông Phạm Văn Trọng

Thành viên BKS

5. Ban Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc do Hội đồng quản trị bổ nhiệm, là người điều hành và quản lý mọi hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Tổng Giám đốc có các quyền và nhiệm vụ sau:

- Thực hiện các nghị quyết của Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông, kế hoạch kinh doanh và kế hoạch đầu tư của Công ty đã được Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông thông qua;
- Quyết định tất cả các vấn đề không cần phải có nghị quyết của Hội đồng quản trị, bao gồm việc thay mặt công ty ký kết các hợp đồng tài chính và thương mại, tổ chức và điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh thường nhật của Công ty;
- Kiến nghị số lượng và các loại cán bộ quản lý mà công ty cần thuê để Hội đồng quản trị bổ nhiệm hoặc miễn nhiệm khi cần thiết nhằm áp dụng các hoạt động cũng như cơ cấu quản lý tốt do Hội đồng quản trị đề xuất, và tư vấn để Hội đồng quản trị quyết định mức lương, thù lao, các lợi ích và các điều khoản khác của hợp đồng lao động của cán bộ quản lý;
- Vào ngày 31 tháng 12 hàng năm, Tổng Giám đốc điều hành phải trình Hội đồng quản trị phê chuẩn kế hoạch kinh doanh chi tiết cho năm tài chính tiếp theo, trên cơ sở đáp ứng các yêu cầu của ngân sách phù hợp cũng như kế hoạch tài chính năm năm;
- Thực thi kế hoạch kinh doanh hàng năm được Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị thông qua;
- Đề xuất những biện pháp nâng cao hoạt động và quản lý của Công ty;
- Các quyền và nhiệm vụ khác theo Điều lệ Công ty.

Thành viên Ban TGD

Ông Kim Ngọc Nhân

Phó CT HĐQT kiêm TGD

Ông Nguyễn Văn Phi

Thành viên HĐQT

Phó TGD

Ông Dương Ngọc Trường

Phó Tổng GĐ

Bà Đinh Thị Thủy

Phó TGD

6. Các Phòng ban chức năng

- Phòng Hành chính nhân sự

+ Tham mưu, giúp việc cho Ban Giám đốc trong công tác quản trị nguồn nhân lực; công tác quản trị hành chính, văn phòng; Thực hiện nhiệm vụ quản trị hành chính và quản trị nhân sự.

+ Tìm kiếm thị trường, mở rộng cung ứng nhân lực trên thị trường đã có;

- + Tìm kiếm các nguồn cung ứng nhân lực phù hợp với từng loại hợp đồng, thị trường: Liên hệ với các cơ sở đào tạo, các trường nghề để tạo nguồn lao động cho các dự án trong nước và quốc tế;
- + Lập hồ sơ và theo dõi các hồ sơ liên quan trong quá trình thực hiện hợp đồng xuất khẩu lao động và cung ứng nhân lực;
- + Quản lý nguồn lao động ở nước ngoài, giải quyết tranh chấp xảy ra giữa người lao động và chủ dự án sở tại và báo cáo các cơ quan chức năng cùng giải quyết.

- Phòng Tài chính - Kế toán

Phân tích, đánh giá tình hình tài chính, kết quả kinh doanh của công ty, tư vấn, tham mưu cho ban Giám Đốc các chiến lược tài chính ngắn, trung hạn, dài hạn trên cơ sở các Dự án đang và sẽ triển khai; kiểm tra, giám sát tình hình, công tác tài chính kế toán để đảm bảo tuân thủ theo quy chế công ty và quy định của Pháp luật. Kế toán trưởng chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực phản ánh đầy đủ các hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty trước lãnh đạo.

- Phòng kế hoạch tổng hợp:

Quản lý kế hoạch: Xây dựng định hướng hoạt động sản xuất và kế hoạch SXKD của công ty, lập kế hoạch và kiểm tra giám sát thực hiện kế hoạch các công trường, quản lý công tác đấu thầu; Quản lý các thủ tục nghiệm thu, thanh toán, thanh quyết toán công trình: tạm ứng hợp đồng, thanh toán theo từng giai đoạn, giá trị phát sinh, bù giá, thanh quyết toán hợp đồng.

Quản lý kỹ thuật: Quản lý, kiểm tra, hướng dẫn Công trường thực hiện đúng quy trình, quy phạm kỹ thuật, các tiêu chuẩn và tuân thủ điều khoản chất lượng trong Hợp đồng kinh tế; Nghiên cứu ứng dụng tiến bộ kho học công nghệ mới trong công tác thi công để nâng cao chất lượng; Tiến độ và giảm giá thành sản phẩm.

- Phòng Vật tư thiết bị:

Xây dựng quy chế quản lý thiết bị, các quy trình quản lý, quy trình và quy định trong vận hành và bảo dưỡng máy móc thiết bị; Giám sát việc thực hiện quy chế, quy trình, các quy định đã ban hành; Quản lý máy móc, thiết bị thi công; Biên soạn tài liệu hướng dẫn, các quy định về thợ vận hành, tổ chức đào tạo thợ vận hành và thợ sửa chữa; Tổng hợp báo cáo định kỳ theo quy định; Xây dựng quy chế, quy trình và các quy định quản lý vật tư; Quản lý kế hoạch cung ứng vật tư cho công trường; Quản lý vật tư, thống kê nhập xuất tồn vật tư, bảo quản, kiểm kê kho vật tư; Tổng hợp báo cáo tình hình sử dụng vật tư tại công trường; Quản lý hồ sơ thanh lý các vật tư.

Tổ chức chính trị

- + Chi bộ Đảng;
- + Công đoàn;
- + Đoàn thanh niên;

+ Hội cựu chiến binh.

Tổng quản về nhân sự

Chất lượng nguồn nhân lực là một trong những yếu tố quan trọng quyết định sự phát triển của Công ty, vì vậy Công ty luôn đặt mục tiêu xây dựng đội ngũ nhân viên chuyên nghiệp lên hàng đầu trong chiến lược phát triển của mình. Tính đến thời điểm 31/12/2014, công ty có tổng số là 445 người.

Chế độ làm việc:

Thời gian làm việc:

8h/ngày, 5 ngày/tuần, nghỉ trưa 1,5h. Khi có yêu cầu về tiến độ sản xuất kinh doanh, CBNV có trách nhiệm làm thêm giờ và Công ty có những quy định đảm bảo quyền lợi cho người lao động theo quy định của Nhà nước.

Điều kiện làm việc:

Công ty trang bị đầy đủ các công cụ bảo hộ lao động, đồng thời Công ty luôn tuân thủ các nguyên tắc an toàn lao động để đảm bảo năng suất lao động cao và an toàn cho CBNV.

Chính sách lương thưởng, phúc lợi

Chính sách lương của Công ty được xây dựng dựa vào nguyên tắc công bằng trên cơ sở đánh giá một cách toàn diện trình độ, năng lực, kinh nghiệm, hệ số năng suất của từng cá nhân và kết quả hoạt động kinh doanh của từng thời kỳ. Hệ thống này cũng bảo đảm tuân thủ những quy định về chế độ tiền lương của Nhà nước, định kỳ, người lao động trong Công ty được hưởng lương và được xem xét nâng bậc lương căn cứ vào trình độ, năng lực và hiệu quả công việc được giao.

IV. LĨNH VỰC HOẠT ĐỘNG

*** Hoạt động xây lắp nước ngoài**

Công ty được Bộ lao động thương binh và xã hội cấp phép hoạt động đưa người Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài số Theo Giấy phép cấp đổi lần thứ 4 số 449/LĐT BXH- GP ngày 28/01/2015. Công ty cung ứng lao động theo các hình thức sau:

- Cung ứng lao động theo mô hình tự quản lý, điều hành cho các dự án xây dựng hạ tầng, giao thông như cầu, đường, hầm, nhà xưởng;
- Nhận thầu nhân công trọn gói theo từng hạng mục xây lắp, sau đó Công ty tự triển khai tổ chức thi công tại các dự án nước ngoài.
- Ký hợp đồng thi công xây lắp các hạng mục công trình xây dựng, theo đó Công ty tự chủ động đưa máy móc thiết bị và lao động sang các dự án nước ngoài để thi công.

Trong mô hình cung ứng lao động theo hình thức tự quản lý và điều hành, Công ty sẽ chủ động đàm phán ký kết hợp đồng cung ứng với đối tác và chủ động điều động bố trí lao động phù hợp. Nhờ đó, đối tác sử dụng lao động sẽ được đảm bảo về số lượng,

chất lượng lao động cũng như công tác quản lý điều hành. Mô hình này đang được Công ty triển khai rất thành công ở Algeria, Malaysia, Lào.... Đến nay, Công ty mạnh dạn đột phá chuyển từ cung cấp nhân công cho các nhà thầu nước ngoài sang nhận thầu nhân công (dự án Xayabury - Lào) và một bước đột phá nhận thầu xây lắp tại nước ngoài (Dự án Xepian Xenamnoy - Lào).

Một số dự án tiêu biểu Công ty đang thực hiện:

❖ Dự án hầm giao thông tại Algeria

- Tên dự án: Dự án Đường hầm Giao thông tại Algeria
- Địa điểm: Thành phố Constatine, Algeria
- Giá trị hợp đồng: 461,9 tỷ đồng.
- Thời gian thi công: 08 năm (từ tháng 04/2007 đến tháng 06/2015)
- Chủ đầu tư: Bộ Giao thông vận tải Algria
- Nhà thầu chính: Tổ hợp nhà thầu COJAAL (Kajima Taisa - Obayashi - Meada).
- Hạng mục thi công: Tuyến đường hầm Giao thông. Đây là dự án Cao tốc Đông - Tây tại Algeria, tổng chiều dài tuyến đường khoảng 1.200 Km. CM Việt Nam thi công 2 tuyến đường hầm đôi với tổng chiều dài 4,6km thuộc gói thầu 4.2.2; đào đắp cơ hai bên đường cao tốc. Với Hợp đồng này, CM Vietnam đã cung cấp gần 600 Cán bộ, kỹ sư và lao động có tay nghề cao.
- Hình ảnh dự án:



❖ Dự án Thủy điện Ulu Jelai tại Malaysia

- Tên dự án: Dự án Hầm thủy điện Ulu Jelai - Malaysia
- Địa điểm: Ulu Jelai, Cameron Highlands, Pahang, Malaysia.
- Công suất nhà máy: 382MW
- Giá trị hợp đồng: 32 tỷ đồng
- Thời gian thi công: 03 năm (từ tháng 04/2012 đến tháng 02/2015)
- Chủ đầu tư: Tập đoàn Salini - Italia
- Hạng mục thi công: Thi công đường hầm dẫn nước Thủy điện (Tuyến đường hầm dẫn nước dài 26km; tuyến đập; nhà máy). CM Việt Nam cung cấp thợ vận hành các loại máy thi công hầm: Máy khoan hầm (Jumbo); Máy đào; Máy phun Bê tông Robot.
- Hình ảnh dự án:



❖ Dự án Thủy điện Xayabury tại Lào

- Tên dự án: Dự án đập thủy điện Xayaburi - Lào
- Địa điểm: Tỉnh Xayabury - CHDCND Lào
- Giá trị hợp đồng: 80 tỷ VNĐ
- Thời gian thi công: 2 năm (T03/2013 đến T02/2015)
- Chủ đầu tư: Công ty TNHH Ch.Karnchang (Thái Lan).

- Hạng mục thi công: Thi công hạng mục đổ bê tông tuyến đập tràn, sân tiêu năng, nhà máy; Tổng khối lượng Bê tông dự kiến: 160.000 m³;
- Hình ảnh dự án:



❖ Dự án Thủy điện Xepian Xenamnoy tại Lào

- Tên dự án: Dự án thủy điện Xepian Xenamnoy
- Địa điểm: Sông Xenamnoy thuộc hai tỉnh Champask và Attapeu - Lào
- Công suất nhà máy: 372MW
- Giá trị hợp đồng: 171,1 tỷ đồng
- Thời gian thi công: 03 năm (từ tháng 07/2014 đến tháng 04/2017)
- Chủ đầu tư: Liên doanh Lào – Hàn Quốc - Thái Lan
- Nhà thầu chính: SK Engineering & Construction (Hàn Quốc)
- Hạng mục thi công: Đào, đắp, bê tông Nhà máy, đường ống áp lực và trạm phân phối điện.
- Hình ảnh dự án:



Vị thế của Công ty trong lĩnh vực nhân lực quốc tế

Hiện tại, ở Việt Nam có khoảng gần 200 đơn vị được cấp phép cung ứng nhân lực, trong đó có một số đơn vị hoạt động khá hiệu quả như: Simco, Vinaconex, Constrexim.... Các đơn vị này thực hiện tuyển dụng, đào tạo và đưa người đi lao động nước ngoài theo cách truyền thống. Công ty Cổ phần Xây dựng và Nhân lực Việt Nam là đơn vị mới đi vào hoạt động nhưng là đơn vị đầu tiên đưa người đi lao động nước ngoài thông qua hình thức đấu thầu cung cấp nhân lực cho dự án tại nước ngoài. Trong đó, CMVietnam sẽ cung cấp toàn bộ nhân lực bao gồm đội ngũ gián tiếp (quản lý, kỹ sư, kỹ thuật giám sát chất lượng) và lao động trực tiếp như thợ vận hành xe máy thiết bị, thợ điện, hàn, v v cho đối tác theo tiến trình của dự án. Theo phương án này, sẽ giảm thiểu được nguồn lực, chi phí cho đối tác về công tác quản lý nhân lực và cũng tạo thuận lợi trong công tác quản lý lao động của công ty tại nước ngoài. Đây là hình thức rất mới và là hướng phát triển trong tương lai do ưu điểm trong việc đảm bảo việc làm và mức lương cho người lao động, chủ động phòng ngừa được các rủi ro về mặt thị trường và pháp lý như các hình thức cung ứng nhân lực truyền thống.

**** Thi công xây lắp trong nước***

Công ty đã mạnh dạn đầu tư công nghệ thiết bị từ các hãng nổi tiếng trên thế giới để tham gia vào lĩnh vực thi công xây lắp các hạng mục đập thủy điện, hầm dẫn nước, kênh dẫn dòng, hồ chứa nước, đào lò khai thác than, đào đắp đập và thi công các công trình giao thông....

Một số dự án tiêu biểu Công ty đang thực hiện

❖ Dự án Thủy lợi Ngàn Trươi

- Tên dự án: Dự án Ngàn Trươi
- Địa điểm: Huyện Vũ Quang – Hà Tĩnh
- Giá trị hợp đồng: 502,7 tỷ đồng
- Thời gian thi công: Từ tháng 12/2011 đến tháng 07/2015
- Chủ đầu tư: Ban Quản lý đầu tư và xây dựng thủy lợi 4 – Bộ No & PTNT và UBND tỉnh Hà Tĩnh
- Hạng mục thi công: Công trình lấy nước số 1 (Tuynel 1) – tiểu công trình đầu mối Hồ chứa nước Ngàn Trươi; Kênh dẫn dòng; Đê quây; Công trình lấy nước số 2 (Tuynel 2).
- Hình ảnh dự án:



❖ Dự án Hồ Bùn đỏ - Nhà máy Alumin Nhân Cơ

- Tên dự án: Dự án Hồ Bùn đỏ - Nhà máy Alumin Nhân Cơ
- Địa điểm: Huyện Đăk RLấp – Đăk Nông
- Giá trị hợp đồng: 83,8 tỷ đồng.
- Thời gian thi công: Từ tháng 11/2013 đến tháng 06/2015
- Chủ đầu tư: Tập Đoàn Than và Khoáng sản - Vinacomin

- Hạng mục thi công: Thi công hạng mục lòng hồ công trình Hồ bùn đỏ, Nhà máy sản xuất Alumin Nhân cơ - Đắk Nông.

- Hình ảnh dự án:



❖ Dự án Hồ Cầu Tư - Nhà máy Alumin Nhân Cơ

- Tên dự án: Dự án Hồ Cầu Tư - Nhà máy Alumin Nhân Cơ
- Địa điểm: Huyện Đắk Rlấp – Đắk Nông
- Giá trị hợp đồng: 45,7 tỷ đồng.
- Chủ đầu tư: Tập đoàn Than và Khoáng sản - Vinacomin
- Hạng mục thi công: Thi công xây dựng đập ngăn nước Hồ Cầu Tư, Nhà máy sản xuất Alumin Nhân cơ - Đắk Nông.

- Hình ảnh dự án:





❖ Dự án Xây dựng hầm lò Than Khe Chàm

- Tên dự án: Dự án Xây dựng Hầm lò than Khe Chàm.
- Địa điểm: Phường Mông Dương, TP Cẩm Phả, Quảng Ninh
- Giá trị hợp đồng: 151,3 tỷ VNĐ.
- Thời gian thi công: Từ tháng 04/2011 đến tháng 09/2018
- Chủ đầu tư: Công ty TNHH MTV Khe Chàm III – Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam – Vinacomin.
- Hạng mục thi công: Thi công đổ bê tông gia cố vỏ lò và sân ga mức -300 mỏ than Khe Chàm III.
- Hình ảnh dự án:



Vị thế của Công ty trong lĩnh vực xây lắp trong nước

CMVietnam được thừa hưởng giá trị thương hiệu của Cavico Việt Nam, một doanh nghiệp hàng đầu trong lĩnh vực thi công xây lắp các công trình xây dựng cơ bản, đường, cầu, hầm, các nhà máy điện. HĐQT, Ban Tổng Giám đốc Công ty là những người có trình độ, năng lực; được đào tạo chuyên môn trong và ngoài nước, đặc biệt đã được trải nghiệm qua rất nhiều dự án xây dựng trọng điểm quốc gia và một số dự án lớn trên thế giới.

Hiện nay, Công ty là một trong những công ty có năng lực, kinh nghiệm và uy tín trong lĩnh vực thi công tuyến năng lượng, các đường hầm dẫn nước, các giếng đứng của các nhà máy thủy điện và đào hầm xuyên vỉa, đào giếng đứng trong lĩnh vực khai thác than, thi công các công trình thủy lợi, đào đắp đập... như: Sông Bạc, Ngàn Trươi, Hồ Bùn đỏ, Bản Mòng, Than Khe Chàm...

Triển vọng phát triển của ngành;

Đưa lao động đi làm việc tại nước ngoài vẫn là chủ trương lớn của Đảng và Nhà nước nhằm nâng cao đời sống cho phần lớn người dân ở khu vực nông thôn và miền núi, góp phần xóa đói giảm nghèo ở một số khu vực và đem lại nguồn ngoại tệ không nhỏ cho đất nước. Bên cạnh đó những lao động đi làm việc ở nước ngoài về tích lũy được những kinh nghiệm cần thiết góp phần xây dựng đội ngũ lao động cho công cuộc công nghiệp hóa - hiện đại hóa. Trên cơ sở đó, công tác đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài đã từng bước được luật hóa theo trình độ phát triển ở mỗi giai đoạn. Từ Nghị quyết của Chính phủ được đưa vào trong Luật Lao động năm 2002 và cuối cùng là Luật Người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng năm 2006. Điều đó đã tạo thành hành lang pháp lý đầy đủ, chặt chẽ cho việc phát triển nguồn lao động Việt Nam.

Năm 2014 không được coi là năm thuận lợi cho xuất khẩu lao động Việt Nam làm việc ở nước ngoài, nhưng lại được đánh giá là một năm khởi sắc, với hơn 105.000 lao động đi xuất ngoại. Các thị trường xuất khẩu lao động nước ngoài vẫn đang phát triển theo hướng tích cực và không ngừng gia tăng số lượng tiếp nhận lao động Việt Nam, chứng tỏ người lao động ngày càng được tin tưởng hơn, có nhiều cơ hội phát triển sự nghiệp của bản thân.

Với sự phục hồi của nền kinh tế, nhu cầu lao động của thế giới có xu hướng gia tăng. Hiện tại, Bộ Lao động, Thương Binh và Xã hội vẫn tập trung phát triển các thị trường truyền thống đã và đang sử dụng lao động Việt Nam với số lượng lớn như: Đài Loan, Malaysia, Trung Đông, Bắc Phi, Nhật Bản, Hàn Quốc. Đây là những thị trường luôn tiếp nhận số lượng lao động Việt Nam do yêu cầu không quá cao về tay nghề, ngoại ngữ. Cụ thể:

Hàn Quốc trong những năm vừa qua là nước mà nhiều người lao động Việt Nam mong muốn đến làm việc. Số lượng lao động Việt Nam được ký hợp đồng và sang làm việc tại Hàn Quốc luôn đứng đầu trong các nước đưa lao động sang Hàn Quốc. Trong năm 2013, Bộ LĐTBXH sẽ phối hợp với cơ quan hữu quan của Hàn Quốc tiếp tục quảng bá lao động Việt Nam, thúc đẩy việc tổ chức kiểm tra tiếng Hàn dành cho lao

động có nguyện vọng sang làm việc tại Hàn Quốc. Với sự phục hồi của nền kinh tế Hàn Quốc, năm 2014 Hàn Quốc đã tiếp nhận thêm 22.000 lao động Việt Nam theo chương trình Luật cấp phép lao động nước ngoài.

Nhật Bản là nước bị ảnh hưởng nghiêm trọng từ thảm họa sóng thần đầu năm 2011 đã tàn phá nhiều thành phố lớn. Việc xây dựng tái thiết lại các vùng, thành phố này mở ra cơ hội cho các Doanh nghiệp cung ứng lao động đi làm việc tại Nhật Bản.

Các nước khối Arab: Arab Saudi, UEA, Qatar, Kuwait vẫn là những nước có nhu cầu sử dụng lao động cao đối với tất cả các ngành nghề. Đây là khu vực và là thị trường lớn đối với các Doanh nghiệp cung ứng lao động Việt Nam.

Bên cạnh đó, Malaysia, Thái Lan, Lào là thị trường mà Công ty đang tiến hành tiếp xúc, đàm phán với các Nhà thầu chính thi công các công trình kỹ thuật về hạ tầng giao thông, các công trình công nghiệp là lĩnh vực có khả năng thu hút phần lớn nguồn lao động của Việt Nam.

Lĩnh vực xây dựng có mối quan hệ thuận chiều với nền kinh tế thể hiện qua sự đầu tư lớn vào xây dựng cơ sở hạ tầng, xây dựng công nghiệp, giao thông, thủy điện...Sau giai đoạn khủng hoảng, nền kinh tế Việt Nam đang trong giai đoạn phục hồi, lĩnh vực xây dựng sẽ vẫn là một ngành có tiềm năng phát triển lớn. Đây là cơ hội để Công ty có thể ký được các hợp đồng xây lắp có giá trị lớn. Bên cạnh đó quá trình hội nhập và theo mô hình hoạt động đầu tư xây dựng hạ tầng của các tập đoàn kinh tế lớn, nhu cầu tìm kiếm các nhà thầu có tiềm năng, có kinh nghiệm và năng lực trong việc cung cấp cung cấp, quản lý lao động và trực tiếp thi công các dự án xây dựng hạ tầng là rất lớn, đặc biệt ở các khu vực tiềm năng như Châu Phi, Châu Á...

Tổng kết tình hình hoạt động của công ty:

Qua gần 8 năm hoạt động, phát huy hơn nữa lợi thế đội ngũ nhân lực có tay nghề cao, tuổi đời trẻ, phối hợp được nguồn lao động trong và ngoài nước, cùng thế mạnh về tài chính, khẳng định được thương hiệu riêng trong lĩnh vực xây lắp và cung ứng nhân lực quốc tế. CMVietnam đã nhận thêm các hạng mục công trình lớn và yêu cầu năng lực cao như: Dự án thủy điện Xayabury, Dự án thủy điện Xepian Xenamnoy, dự án giao thông Algeria, thủy lợi Ngàn Trươi, Thủy lợi Bản Mòng, đổ bê tông lò vận chuyển mỏ than Khe Chàm III, đào đắp hồ chứa bùn đỏ Alumin Nhân Cơ, đào đắp đập Hồ Cầu Tư...

V. HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY CON

1. Công ty con: CMVietnam chiếm 100% vốn điều lệ.

Tên Công ty : **CTCP CM ĐẦU TƯ VÀ THƯƠNG MẠI**

Tên giao dịch : CM Investment & Trading.,Jsc

Địa chỉ : Số 14, phố Đặng Thùy Trâm, xã Cổ Nhuế, huyện Từ Liêm, Hà Nội

Vốn điều lệ đăng ký : 21.030.000.000 đồng (Hai mươi một tỷ không trăm ba mươi triệu đồng chẵn)

Giấy chứng nhận ĐKKD số 0104075049 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 24/07/2009.

Ngành nghề kinh doanh:

Kinh doanh bất động sản

Kinh doanh vật liệu xây dựng.

Vận tải hàng hoá đường biển, đường bộ, đường thủy nội địa.

Khai thác quặng kim loại, cát, đá, sỏi.

Kinh doanh máy móc, thiết bị, phụ tùng máy công nghiệp.

Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp.

Xây dựng công trình giao thông, thủy lợi, công nghiệp, dân dụng

Sản xuất điện.

Đào tạo, hướng nghiệp và dạy nghề cho người lao động.

Kinh doanh và sản xuất hóa chất (trừ hóa chất Nhà nước cấm)

Được CMVietnam mua lại 100% cổ phần từ các cổ đông sáng lập. CM Đầu tư và Thương mại là Công ty chuyên về kinh doanh thương mại, đặc biệt trong nhóm ngành kinh doanh vật liệu xây dựng. Hiện nay CM Đầu tư và Thương mại là nhà phân phối cấp I cho thép Pomina, Hòa Phát, Thái Nguyên...nhà phân phối cấp I cho nhà máy Xi măng Cẩm Phả, Quang Sơn, Nghi Sơn, Hoàng Mai, Vissai...

Hiện nay CM Đầu tư và Thương mại đảm nhận vai trò cung cấp vật tư, vật liệu cho các đơn vị trong hệ thống CM và một số công trình thủy điện, thủy lợi trọng điểm trên mọi miền Tổ quốc.

2. Công ty con: CM Đầu tư và Thương mại chiếm 100% vốn điều lệ

Tên Công ty : **CÔNG TY TNHH CM XÂY DỰNG**

Tên giao dịch : CM Construction Company Limited

Địa chỉ : Số 14, phố Đặng Thùy Trâm, xã Cổ Nhuế, huyện Từ Liêm, Hà Nội

Vốn điều lệ đăng ký : 6.000.000.000 đồng (Sáu tỷ đồng chẵn)

Giấy chứng nhận ĐKKD số 0105156759 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 21/02/2011.

Ngành nghề kinh doanh:

Dịch vụ giới thiệu việc làm trong nước

Xây dựng công trình dân dụng khác: Đường sắt, đường bộ, công trình công ích.

Xây dựng nhà các loại.

CM Xây dựng được CMVietnam chuyển toàn bộ 100% vốn đã đầu tư cho CM Đầu tư và Thương mại quản lý, với mục tiêu sẽ triển khai thực hiện các hợp đồng xây lắp của Công

ty CMVietnam trong nước và là nơi đào tạo tạo nguồn lao động cho các dự án nước ngoài của CMVietnam.

3. Công ty con: CM Đầu tư và Thương mại chiếm 69% vốn điều lệ:

Tên công: **CÔNG TY CỔ PHẦN CMS THÀNH ĐÔNG**

Vốn điều lệ: 15 tỷ (Mười lăm tỷ đồng Việt Nam)

Địa chỉ trụ sở chính: Thị trấn Kinh Môn, huyện Kinh Môn, Tỉnh Hải Dương

Ngành, nghề kinh doanh:

Hoạt động vui chơi giải trí khác chưa được phân vào đâu; Bán buôn kim loại và quặng kim loại;

Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng;

Cung ứng và quản lý nguồn lao động trong nước; Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp;

Xây dựng nhà các loại; Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ; Xây dựng công trình công ích; Phá dỡ; Chuẩn bị mặt bằng; Lắp đặt hệ thống điện; Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hoà không khí; Hoàn thiện công trình xây dựng;

Quảng cáo; Cho thuê xe có động cơ; Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác; Vận tải hàng hóa bằng đường bộ; Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét; Khai thác quặng sắt; Khai thác quặng kim loại khác không chứa sắt;

Được CMVietnam chuyển toàn bộ phần vốn góp là 69% cho CM Đầu tư và Thương mại quản lý. Mục tiêu kinh doanh chính của CM Thành Đông là đầu tư và vận hành kinh doanh tòa nhà trung tâm thương mại Kinh Môn, Hải Dương.

VI. CÔNG TÁC AN TOÀN TRONG SẢN XUẤT

Năm 2014, công ty đã chú trọng “ Xây dựng văn hóa an toàn, phòng ngừa tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp và bảo vệ môi trường” coi đây là trách nhiệm và quyền lợi của công ty cũng như người lao động”. Đẩy mạnh công tác tuyên truyền nâng cao nhận thức của cán bộ, CNVLD về công tác phòng ngừa tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp, phòng chống cháy nổ trong các khu vực thi công có nguy cơ mất an toàn cao; đặc biệt giáo dục người lao động cần quan tâm đến các nội quy, quy trình làm việc, tự mình phòng tránh rủi ro, tai nạn, cháy nổ; hướng tới xây dựng văn hóa an toàn lao động, phòng ngừa hiệu quả tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp, vì sự phát triển bền vững của doanh nghiệp.

Trong năm, các Phòng/Ban/Dự án và tổ chức đoàn thể, người lao động tập trung triển khai nghiêm túc về công tác ATVSLĐ – PCCN, đó là:

- Tổ chức triển khai có hiệu quả Chương trình quốc gia về ATVSLĐ – PCCN;
- Tăng cường kiểm tra và giám sát các lĩnh vực, các khu vực có nguy cơ, rủi ro cao về tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp và cháy nổ, xử lý nghiêm minh, kịp thời các vi phạm.

- Tổ chức hoàn thiện hệ thống các văn bản thực hiện An toàn, vệ sinh lao động.
- Tiếp tục đẩy mạnh công tác huấn luyện và hướng dẫn thực hiện công tác ATVSLĐ – PCCN tới tất cả người lao động.

Kết quả:

- Không có vụ việc tai nạn nghiêm trọng về lao động

VII. CÔNG TÁC QUẢN TRỊ RỦI RO.

1. Rủi ro về kinh tế

Bất kỳ một nền kinh tế nào cũng luôn chứa đựng trong nó những rủi ro tiềm tàng nhất định. Những rủi ro đó hình thành từ chính sự biến động của các nhân tố cơ bản của nền kinh tế: tốc độ tăng trưởng kinh tế, lạm phát, lãi suất, tỷ giá hối đoái... Là một trong những chủ thể tham gia vào nền kinh tế, doanh nghiệp cũng không nằm ngoài những ảnh hưởng và tác động từ thay đổi của các nhân tố ấy

Do đặc thù trong hoạt động cung ứng lao động ra nước ngoài có sự tương đồng về thời hạn hợp đồng mà Công ty ký kết với đối tác nhận lao động và người lao động, yếu tố lạm phát có ảnh hưởng không lớn đến doanh thu, lợi nhuận từ hoạt động này. Tuy nhiên, yếu tố lạm phát có ảnh hưởng đáng kể đến hoạt động thi công xây lắp của Công ty. Sự biến động bất thường của giá cả nguyên vật liệu như sắt thép, sỏi đá, xi măng, gạch hiện nay là điều đáng lo ngại đối với các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực xây dựng. Khi giá cả nguyên vật liệu tăng, chi phí giá vốn hàng bán lên cao sẽ ảnh hưởng đến doanh thu, lợi nhuận và kế hoạch triển khai các dự án của Công ty. Nhằm giảm thiểu rủi ro về lạm phát tăng chi phí nguyên vật liệu đầu vào, công ty đã đàm phán những hợp đồng cung ứng nguyên vật liệu dài hạn với các đối tác lớn và phối hợp với chủ đầu tư để hoàn thiện pháp lý bù giá, điều chỉnh giá cho các hợp đồng xây lắp.

Rủi ro về chính trị thế giới

Trước thực trạng bất ổn về chính trị trên thế giới, chiến tranh, dịch bệnh.... Nên lĩnh vực đầu tư công bị hạn chế, tỷ lệ thất nghiệp ngày càng tăng và rất ít nhu cầu sử dụng lao động nước ngoài. Là đơn vị hoạt động trong lĩnh vực xây lắp quốc tế, CMVietnam đã phải nỗ lực chuyển đổi thị trường mục tiêu sang các khu vực và thay đổi tỷ trọng ngành nghề kinh doanh để giảm thiểu rủi ro này.

2. Rủi ro về Cơ chế chính sách và pháp luật

Rủi ro về luật pháp là sự ảnh hưởng đến hoạt động của công ty khi có những thay đổi trong hệ thống các văn bản luật trực tiếp hoặc gián tiếp điều chỉnh các hoạt động của công ty, chiến lược phát triển ngành liên quan đến hoạt động của công ty. Hệ thống luật pháp có ảnh hưởng rất lớn đến hoạt động kinh doanh của các doanh nghiệp. Hiện tại, Công ty chịu sự điều chỉnh của Luật Doanh nghiệp, Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp, Luật Thuế giá trị gia tăng, Luật chứng khoán, Luật cạnh tranh và các văn bản hướng dẫn thi hành. Ngoài ra, Công ty còn chịu sự điều chỉnh của các văn bản pháp luật về xuất

khẩu lao động như: Luật người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng, Quyết định số 71/2009/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án Hỗ trợ các huyện nghèo đẩy mạnh xuất khẩu lao động góp phần giảm nghèo bền vững giai đoạn 2009 - 2020.

Với sự phát triển của nền kinh tế, các văn bản quy phạm, chế tài pháp luật và quản lý điều hành đang được Chính phủ và các ngành liên quan hoàn thiện sửa đổi. Do đó, việc cập nhật kịp thời các văn bản pháp luật này có thể ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty đặc biệt là các chính sách về xuất khẩu lao động.

Để kiểm soát rủi ro này, Công ty đã cập nhật những thay đổi trong môi trường luật pháp liên quan đến hoạt động của Công ty, từ đó đưa ra kế hoạch phát triển kinh doanh phù hợp. Để ngăn chặn các phát sinh theo hướng tiêu cực, Công ty không ngừng xây dựng và hoàn thiện hệ thống quản trị nội bộ chuẩn mực và tuân thủ các quy định của pháp luật.

3. Rủi ro đặc thù

Đối với lĩnh vực cung ứng và quản lý nguồn nhân lực

Lĩnh vực hoạt động chính của Công ty là cung ứng và nhận thầu nhân công tại nước ngoài. Trong thời gian gần đây cũng đã xuất hiện và tiềm ẩn không ít khó khăn, thách thức.

Đối với thị trường xuất khẩu lao động, mức độ cạnh tranh ngày càng gay gắt hơn giữa các công ty của các nước cung ứng lao động khác nhau trên hai khía cạnh chính, bao gồm:

Một là, đòi hỏi kỹ năng nghề, ngoại ngữ và tính kỷ luật của người lao động ngày càng cao. Doanh nghiệp có được người lao động với kỹ năng cao hơn sẽ có nhiều hợp đồng hơn và thu nhập của người lao động cao hơn.

Hai là, tính chuyên nghiệp, chất lượng dịch vụ của doanh nghiệp với đối tác nước ngoài. Tính chuyên nghiệp, trách nhiệm cao của đội ngũ cán bộ trong công việc sẽ đem lại sự tín nhiệm của đối tác nước ngoài.

Đối với thị trường trong nước, nguồn lao động kỹ năng nghề cao, ngoại ngữ khá còn khá hạn chế so với nhu cầu của thị trường trong và ngoài nước. Bên cạnh đó, cơ hội lựa chọn việc làm của người lao động được mở rộng, kéo tâm lý kén chọn thị trường cao hơn khả năng thực sự của người lao động. Do nền kinh tế Việt Nam trong những năm gần đây có tốc độ phát triển khá cao và ổn định,, đầu tư nước ngoài vào Việt Nam tăng nhanh tạo thêm nhiều việc làm mới. Thêm vào đó, sự phục hồi của nền kinh tế thế giới cũng mở ra nhu cầu lao động tại các nước trong khu vực và trên thế giới. Tuy nhiên, một bộ phận đáng kể người lao động, do nhiều nguyên nhân, trong đó một phần chưa nắm bắt đầy đủ thông tin, đã nảy sinh tâm lý kén chọn thị trường có thu nhập cao mà không tính đến điều kiện cụ thể của mình có đáp ứng được yêu cầu không. Đây cũng chính là khó khăn cho các doanh nghiệp lâu nay chủ yếu cung cấp lao động cho các thị trường phù hợp với lao động cấp thấp, thị trường giảm nghèo.

Đối với lĩnh vực thi công các công trình xây lắp

Các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực xây lắp; xây dựng các công trình công nghiệp, giao thông, thủy điện, thủy lợi, xây dựng dân dụng... đều có nhu cầu vốn lớn do thời gian thi công các dự án, công trình thường kéo dài; thời gian bị chiếm dụng vốn dài và chi phí dở dang lớn dẫn đến hệ số nợ thường ở mức cao. Do đó, Công ty thường xuyên phải duy trì tỷ lệ nợ trên vốn chủ sở hữu cao để tài trợ vốn lưu động cho hoạt động kinh doanh.

Bên cạnh đó, trên địa bàn cả nước hiện nay có rất nhiều doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực xây lắp; xây dựng các công trình công nghiệp, giao thông, thủy điện, thủy lợi, xây dựng dân dụng... Những doanh nghiệp này đều là đối thủ cạnh tranh trực tiếp của Công ty. Tuy nhiên, Công ty đã xây dựng định hướng và kế hoạch kinh doanh hợp lý, chủ động nên tạo được uy tín đối với các chủ đầu tư, đảm bảo hoạt động kinh doanh luôn mang lại hiệu quả.

PHẦN II. CÁC BÁO CÁO

- > **Báo cáo của Hội đồng quản trị**
- > **Báo cáo của Ban Kiểm soát**
- > **Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc**
- > **Thông tin cổ đông/thành viên góp vốn và Quản trị công ty.**
- > **Báo cáo tài chính đã kiểm toán**

I. BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

1. HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NĂM 2014

1.1 Hoạt động điều hành

Trong năm 2014, Hội đồng quản trị (HĐQT) của Công ty đã thực hiện tốt các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông năm 2014, hoạch định chiến lược và đưa ra các quyết định, các chỉ đạo chính xác, kịp thời giúp Công ty vượt qua khủng hoảng, khó khăn.

- Tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên xem xét tờ trình và phê chuẩn kết quả SXKD năm 2013 và Kế hoạch SXKD năm 2014. Phê chuẩn báo cáo của Ban kiểm soát Công ty năm 2013. Phê duyệt phương án phân phối lợi nhuận, kế hoạch cổ tức năm 2014. Phê duyệt, quyết toán thù lao HĐQT, BKS năm 2013 và kế hoạch thù lao HĐQT, BKS năm 2014; Kế hoạch tăng vốn điều lệ, lựa chọn đối tác chiến lược; Lựa chọn đơn vị kiểm toán năm 2014.
- Sau khi tổ chức thành công ĐHĐCĐ thường niên, HĐQT đã chỉ đạo các bộ phận liên quan triển khai công tác tăng vốn điều lệ từ 50 tỷ đồng lên 80 tỷ đồng; đồng thời lựa chọn các đối tác chiến lược phù hợp để việc tăng vốn diễn ra nhanh và thành công.
- HĐQT đã chỉ đạo định hướng phát triển Công ty chuyển từ mô hình cung ứng Nhân lực tại các dự án nước ngoài sang hình thức nhận thầu thi công xây lắp. Đối với công tác xây lắp trong nước vẫn tập chung vào đối tác chính là Bộ No & PTNT; Tập đoàn Than Khoáng sản và củng cố mối quan hệ với Tập đoàn Điện lực Việt Nam.
- HĐQT đã chỉ đạo Ban điều hành trong việc đổi mới công tác quản trị điều hành, cụ thể là: củng cố và sắp xếp lại bộ máy tổ chức trong Công ty cho phù hợp với mô hình phát triển của Công ty trong giai đoạn khó khăn, tạo ra sự nỗ lực trong việc chỉ đạo hoạt động SXKD; tìm kiếm, khai thác, mở rộng thêm nguồn công việc để góp phần gia tăng giá trị cho Công ty.
- HĐQT cũng đã thông qua quy chế khoán cho dự án và duyệt mức khoán cho từng dự án nhằm nâng cao năng suất và hiệu quả của các dự án, tăng thu nhập cho người lao động.
- Bầu bổ sung thay thế 01 thành viên HĐQT xin từ nhiệm.
- Bổ nhiệm 01 Phó Tổng Giám đốc; Miễn nhiệm 01 Phó Tổng Giám đốc.
- Bổ nhiệm 01 Kế toán trưởng; Miễn nhiệm 01 Kế toán trưởng.
- Lựa chọn Công ty kiểm toán uy tín, có kinh nghiệm trong việc soát xét báo cáo tài chính, đảm bảo tuân thủ đúng các qui định về việc công bố thông tin đối với Công ty đại chúng.

- Thành viên HĐQT có 2/5 người trong Ban TGD nên cùng với Chủ tịch HĐQT thường xuyên có các cuộc họp với Ban TGD Công ty trong năm để xem xét, chỉ đạo kịp thời các hoạt động của Công ty.

1.2 Hoạt động định hướng

Trong năm 2014, HĐQT đã kịp thời chỉ đạo định hướng công ty phát triển với một số nội dung chính như sau:

- Tập trung phát triển dự án nhân công nước ngoài: Đảm bảo quân số thi công ổn định tại dự án đập thủy điện Xayabury - Lào, Kết thúc và đưa lao động tại Malaysia, Algeria về nước để chuẩn bị cho dự án Xepian Xenamnoy tại Lào.
- Đẩy mạnh sản xuất tại các dự án có hiệu quả và nguồn vốn tốt như Khe Chàm, Ngàn Trươi; tập trung kết thúc sớm dự án Bản Mòng. Sớm ổn định sản xuất của dự án Hồ Cầu Tư.
- Tập trung mở rộng phạm vi hợp đồng đối với các dự án với các đơn vị thuộc tập đoàn Than - Khoáng sản và Bộ No & PTNT.
- Tìm kiếm đối tác chuyển nhượng, đàm phán cho thuê dự án Kinh Môn (Công ty CM Thành Đông)

2. HOẠT ĐỘNG GIÁM SÁT

Trên cơ sở Nghị quyết ĐHĐCĐ và với thẩm quyền của mình, HĐQT đã phê chuẩn và giao cho Ban TGD thực hiện. Hoạt động đánh giá của HĐQT với Ban TGD được tập trung vào các nội dung sau:

2.1 Giám sát về tổ chức bộ máy:

Đây là nhiệm vụ quan trọng nhất trong hoạt động giám sát của HĐQT với Ban TGD, liên quan trực tiếp đến Bộ máy tổ chức, hoạt động điều hành cũng như hiệu quả SXKD của Công ty, giảm thiểu chi phí gián tiếp. Với những đặc thù của năm 2014 và thực trạng hoạt động của hệ thống, theo đề nghị của Ban TGD, HĐQT phê duyệt về hệ thống tổ chức của Công ty và phân công lại trách nhiệm cho các cán bộ của máy quản lý điều hành công ty trên cơ sở phát huy cao nhất năng lực, trí tuệ và trách nhiệm của các cá nhân lãnh đạo trong việc thực hiện nhiệm vụ, tăng cường sự phối hợp nhịp nhàng và hỗ trợ lẫn nhau trong quá trình thực hiện chức trách nhiệm vụ của mình. Theo dõi đánh giá về tình trạng khoán của từng dự án để có phương án điều chỉnh cho thích hợp vừa đảm bảo quyền lợi của Công ty và quyền lợi của người lao động.

2.2 Giám sát về SXKD:

- Xây dựng kế hoạch SXKD và điều chỉnh kế hoạch SXKD: trên cơ sở kế hoạch SXKD đã được ĐHĐCĐ phê chuẩn, HĐQT phê duyệt KHSXKD hàng quý, giao nhiệm vụ và giám

sát việc triển khai thực hiện nhiệm vụ, đồng thời cập nhật những khó khăn phát sinh trong hoạt động điều hành của Công ty, những khó khăn phát sinh khách quan để có những điều chỉnh cho phù hợp.

- HĐQT, đặc biệt là Chủ tịch HĐQT thường xuyên nhận được các báo cáo ngày, tuần, các báo cáo quản trị tháng được gửi trực tiếp từ các Dự án cũng như từ Ban TGĐ, từ đó có cơ sở để có những định hướng kịp thời và giải quyết những khó khăn phát sinh trong hoạt động của Công ty.
- Giám sát về công tác mở rộng thị trường/tìm kiếm hợp đồng: Kết quả công tác giám sát cho thấy, năm 2014, Ban TGĐ cùng với các bộ phận liên quan đã thực hiện tốt công tác thị trường trong và ngoài nước, đã chính thức ký hợp đồng với tư cách là nhà thầu xây lắp tại Lào. Đối với thị trường trong nước đã ký được các Hợp đồng tại các Dự án Nông Sơn; Cầu Tư.
- Về mở rộng thị trường: Ngoài việc tiếp tục với các thị trường và đối tác truyền thống là cung ứng Nhân lực, trong năm Công ty đang xúc tiến với các Dự án có sử dụng công nghệ cao, hiện đại trong lĩnh vực thi công ngầm như Metro để có thể tiến tới làm chủ và áp dụng công nghệ này trong những năm tới.
- Về các dự án tồn đọng: tập trung xử lý dứt điểm, giảm thiểu tối đa ảnh hưởng tới nguồn lực cho các Dự án mới.

Kết quả giám sát cho thấy BTGD đã triển khai thực hiện rất quyết liệt các hoạt động SXKD và các biện pháp đối phó với tình hình khó khăn được áp dụng kịp thời. Các chỉ tiêu SXKD cơ bản cũng đạt được theo Nghị quyết ĐHĐCĐ ngày 12/03/2014. Tuy nhiên, nhằm đảm bảo an toàn vốn HĐQT đã quyết định cho phép trích dự phòng khoản phải thu khó đòi, điều này đã làm ảnh hưởng lớn đến kết quả SXKD năm 2014 và không đạt về chỉ tiêu lợi nhuận theo kế hoạch đã được thông qua.

2.3 Giám sát về triển khai đầu tư vốn

- Thực hiện đầu tư các máy móc thiết bị để nâng cao năng lực thi công của Công ty, phù hợp với việc mở rộng SXKD tại các Dự án.
- Sử dụng đúng mục đích và hiệu quả nguồn vốn mới tăng thêm năm 2014.

2.4 Các hoạt động giám sát khác

- Giám sát về triển khai thực hiện điều hành: TGĐ đã triển khai các công việc cho hệ thống các Phòng ban, Công ty thành viên, Dự án đúng kế hoạch, tổ chức các cuộc họp kịp thời với các bộ phận liên quan để giải quyết các phát sinh thuộc thẩm quyền,

cũng như kịp thời xin ý kiến chỉ đạo của HĐQT với những nội dung lớn trong hoạt động của Công ty.

- Giám sát chống thất thoát lãng phí: Giám sát các hoạt động mà từ đó có thể phát sinh các nguyên nhân tiêu cực, thực hiện theo quy trình kiểm soát nghiêm ngặt, đảm bảo hạn chế tối đa các phát sinh tiêu cực.
- Giám sát tuân thủ: cập nhật kịp thời các quy định của pháp luật để áp dụng và yêu cầu các bộ phận/cá nhân liên quan triển khai thực hiện, đảm bảo quyền lợi chính đáng của Công ty, trong năm không có các vụ khiếu kiện phát sinh.
- Thực hiện các nghĩa vụ với Nhà nước, trả lương Người lao động: Cơ bản kịp thời, đúng chế độ.
- Thực hiện việc đoàn kết trong toàn bộ hệ thống: Không có các mâu thuẫn phát sinh trong hệ thống.

Đánh giá chung: Trong năm 2014, HĐQT thực hiện nhiệm vụ giám sát của mình một cách cẩn trọng theo đúng Điều lệ và quy định của Pháp luật, đã tổ chức thực hiện giám sát, quản lý theo mục tiêu mang lại hiệu quả và lợi ích cao nhất cho Công ty và các Cổ đông. Qua giám sát, HĐQT đánh giá Ban TGD đã điều hành SXKD của Công ty với rất nhiều cố gắng và đạt được những kết quả khích lệ mặc dù năm 2014 Công ty vẫn hoàn thành chỉ tiêu về lợi nhuận được ĐHĐCĐ phê chuẩn. Trong quá trình Điều hành, TGD đã tuân thủ nghiêm chỉnh các quy định của Pháp luật, Điều lệ và các Quy chế của Công ty CMVietnam.

KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2015

Kế hoạch SXKD năm 2015 của Công ty được xây dựng trên cơ sở phù hợp với định hướng phát triển, các nguồn lực hiện có và khả năng thu hút, đảm bảo tốc độ tăng trưởng, hiệu quả vốn đầu tư, tình hình thị trường. Tuy nhiên cũng không thể lường trước hết tình hình kinh tế khi có những biến động lớn; trong trường hợp nhất thiết phải điều chỉnh kế hoạch SXKD năm 2015, HĐQT sẽ báo cáo ĐHĐCĐ vào kỳ đại hội tiếp theo.

1. CÁC CHỈ TIÊU SXKD CHÍNH NĂM 2015

ĐVT: đồng

Nội dung	Thực hiện 2014	Kế hoạch 2015	Tỷ lệ tăng trưởng
Doanh thu	390.726.248.063	435.059.143.000	111,3%
Lợi nhuận trước thuế:	21.761.721.500	34.510.652.000	158,6%
Cổ tức	15%	15%	100%

Những giải trình bổ sung:

+ Tỷ trọng tăng trưởng doanh thu có thể thấp hơn tỷ trọng tăng trưởng của lợi nhuận, do doanh thu thực hiện tại nước ngoài sẽ cao hơn doanh thu thực hiện trong nước, trong khi đó tỷ lệ về nguyên nhiên liệu trong rổ Doanh thu tại nước ngoài chiếm một tỷ lệ nhỏ.

+ Tỷ lệ cổ tức năm 2015 có thể giảm so với năm 2014, do thời điểm Vốn điều lệ tăng thêm tham gia tạo lập lợi nhuận phải vào quý 4/2015, đồng thời với các Dự án đầu tư, lợi nhuận thu được sẽ được cụ thể hóa trong năm 2016.

NHIỆM VỤ, KẾ HOẠCH CỦA HĐQT NĂM 2015

Đánh giá năm 2015 là một năm bản lề, và có những định hướng mới trong hoạt động của Công ty, bằng việc nghiên cứu và tham gia vào các Dự án đầu tư, mở rộng các hoạt động tại các Dự án nước ngoài, trong năm 2015, HĐQT Công ty phấn đấu thực hiện tốt các công việc đã được ĐHĐCĐ phê chuẩn, trong đó thực hiện và chỉ đạo Ban Điều hành:

- Kiện toàn hoạt động của HĐQT, Ban Điều hành, hệ thống kiểm soát nội bộ, các Ban điều hành, các Ban QLDA... theo một hệ thống quản trị mới, hiện đại, phù hợp với mô hình hoạt động của Công ty, đặc biệt trong điều kiện hoạt động tại nhiều nước và khu vực khác nhau;
- Dứt điểm các Dự án trong nước như Ngàn Trươi, Cầu Tư, Nhân Cơ; tổ chức sản xuất tốt các hạng mục công việc tại Dự án Khe Chàm, nâng cao uy tín, đảm bảo duy trì và phát triển các hạng mục công việc liên quan đến công tác đào lò tại Dự án Khe Chàm/ cũng như Vinacomin. Tập trung nhân lực/ vật lực cho các Dự án mới.
- Duy trì các mối quan hệ với các đối tác trong nước có năng lực, sẵn sàng tham gia các dự án thật sự tốt về nguồn vốn, tỷ suất lợi nhuận cao.
- Liên danh Đấu thầu thành công Dự án Đa Nhim, là cơ sở tiếp cận công nghệ mới, là tiền đề cho việc làm chủ công nghệ hiện đại và tìm kiếm các công việc đòi hỏi công nghệ cao sau này. Đồng thời cũng là cơ sở để duy trì các mối quan hệ với một tập đoàn kinh tế lớn;
 - Tiếp tục tìm kiếm, đàm phán để ký được các Hợp đồng tại các thị trường nước ngoài, đặc biệt tại các thị trường mà Công ty đang thực hiện hợp đồng như Lào, Guinea Xích Đạo. Phấn đấu đạt giá trị Hợp đồng ký mới tại nước ngoài trong năm 2015 đạt khoảng 20 triệu USD.
- Tìm kiếm cơ hội đầu tư, trên nguyên tắc Dự án đầu tư phải liên quan trực tiếp đến ngành nghề/ thế mạnh hiện nay của Công ty. Trong đó, trước mắt ưu tiên tìm kiếm một dự án đầu tư vào Dự án BOT giao thông hoặc dự án thủy điện vừa và nhỏ. Thu xếp vốn chủ sở hữu và vốn tài trợ để đảm bảo dự án có tính khả thi.
- Đào tạo và đào tạo lại nguồn nhân lực, đặc biệt là nguồn nhân lực quản lý; đảm bảo quyền lợi kịp thời và duy trì các mối quan hệ bền vững với người lao động, đặc biệt là nguồn lao động làm việc tại các dự án nước ngoài, đảm bảo nguồn lực dự trữ sẵn sàng cho các dự án tiếp theo tại nước ngoài.

II. BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT

1. Các hoạt động của Ban kiểm soát trong năm 2014.

Ban kiểm soát đã lập kế hoạch, xây dựng chương trình công tác và phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên triển khai kiểm tra giám sát các mặt hoạt động của Công ty. Các thành viên hiện trực tiếp làm việc tại Công ty đã tiến hành kiểm tra, kiểm soát các vấn đề mà BKS cho là cần thiết, cụ thể:

- Kiểm tra rà soát lại các Quy chế, quy trình nội bộ đã ban hành;
- Kiểm tra quá trình thực hiện các Nghị quyết của ĐHĐCĐ năm 2014 của HĐQT và Ban điều hành.
- Giám sát việc thực thi, công bố thông tin của Công ty theo các Quy định của Luật chứng khoán và các văn bản pháp luật có liên quan.
- Xem xét các báo cáo định kỳ do Ban Tổng giám đốc lập; kiểm tra các báo cáo tài chính Quý, năm 2014 của Công ty mẹ, Công ty con và báo cáo tài chính hợp nhất nhằm đánh giá tính trung thực của số liệu tài chính. Đồng thời phối hợp với kiểm toán độc lập xem xét ảnh hưởng của các sai sót kế toán và kiểm toán trọng yếu đến báo cáo tài chính; giám sát ban TGD trong việc thực thi những kiến nghị do Kiểm toán viên đưa ra.
- Phối hợp cùng các bộ phận chức năng

Trong năm 2014, Ban kiểm soát đã tiến hành họp 6 cuộc họp, nội dung cuộc họp xoay quanh vấn đề kiểm tra, rà soát lại các số liệu báo cáo của Ban điều hành, các báo cáo tài chính, các quyết định của Ban điều hành, các quyết định của HĐQT và sổ sách kế toán theo định kỳ, tình hình tài chính, đầu tư, cơ sở thực hiện các kế hoạch, mục tiêu của HĐQT đã thông qua trong cuộc họp KHSXKD năm 2014. Đồng thời BKS cũng tham dự các cuộc họp HĐQT năm 2014, trên cơ sở đó đưa ra những đánh giá, kiến nghị cho HĐQT, Ban điều hành.

Nhìn chung, sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát, Hội đồng quản trị và Ban điều hành đều thực hiện và tuân thủ theo Điều lệ và Quy chế của Công ty. Hội đồng quản trị và Ban điều hành đã tạo mọi điều kiện thuận lợi để Ban kiểm soát thực thi nhiệm vụ, những kiến nghị của Ban kiểm soát đều được Hội đồng quản trị nghiêm túc xem xét và phúc đáp đầy đủ.

Ban kiểm soát khẳng định đã hoàn thành chức năng giám sát của mình.

2. Kết quả giám sát đối với các hoạt động của HĐQT và Ban điều hành

Thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông năm 2014, HĐQT Công ty đã tiến hành các cuộc họp, nội dung các cuộc họp của HĐQT tập trung giải quyết các vấn đề cụ thể sau:

+ Thông qua kết quả SXKD năm 2013, kế hoạch SXKD năm 2014, thông qua tỷ lệ chia cổ tức năm 2013, kế hoạch trả cổ tức năm 2014.

- + Thông qua việc lựa chọn Công ty kiểm toán uy tín, có kinh nghiệm trong việc soát xét báo cáo tài chính, đảm bảo tuân thủ đúng các quy định về việc công bố thông tin đối với Công ty đại chúng
- + Hàng quý tiến hành họp rà soát việc thực hiện kế hoạch và có biện pháp điều chỉnh cho phù hợp với tình hình SXKD trong năm.
- + Bầu bổ sung thay thế 01 thành viên HĐQT xin từ nhiệm.
- + Bổ nhiệm 01 Phó Tổng Giám đốc; Miễn nhiệm 01 Phó Tổng Giám đốc.
- + Bổ nhiệm 01 Kế toán trưởng; Miễn nhiệm 01 Kế toán trưởng.
- + Thông qua quy chế khoán cho dự án và duyệt mức khoán cho từng dự án nhằm nâng cao năng suất và hiệu quả của các dự án, tăng thu nhập cho người lao động.
- + Thông qua một số nội dung chủ yếu khác phục vụ kịp thời cho hoạt động SXKD như: Thông qua hạn mức vay vốn cho SXKD năm 2014 tại Ngân hàng Bưu điện Liên Việt - PGD Mỹ Đình, Ngân hàng No & PTNT CN Hoàng Quốc Việt cho các dự án mới.

Nhìn chung tại các phiên họp, HĐQT đánh giá cao sự cố gắng nỗ lực của Ban điều hành và người lao động trong Công ty trong năm 2014 đã đạt được một số kết quả trong việc thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch đề ra; đồng thời Hội đồng quản trị đã xem xét cho ý kiến; thông qua các phương án, giải pháp thực hiện kế hoạch kinh doanh do Ban điều hành trình nhằm tháo gỡ một số khó khăn trong sản xuất kinh doanh trong điều kiện nền kinh tế đang gặp khó khăn như hiện nay.

*** *Đánh giá:***

Việc tiến hành các cuộc họp của HĐQT định kỳ và bất thường năm 2014 mang tính cấp bách để giải quyết các vấn đề thuộc thẩm quyền của HĐQT, phù hợp với các quy định của Pháp luật, Điều lệ của Công ty.

Sau cuộc họp HĐQT đã thông qua các quyết định phù hợp với tình hình SXKD của Công ty và nằm trong thẩm quyền của HĐQT, phù hợp với các quy định của Pháp luật, Điều lệ của Công ty.

Ban KS cũng đã tiến hành việc kiểm tra các biên bản, quyết định và tình hình triển khai các quyết định của HĐQT, của Ban điều hành. Các biên bản, quyết định này đều được lập đúng theo quy định của Điều lệ và phù hợp với các quy định của Pháp luật.

Trong năm 2014, Ban Kiểm soát không nhận được bất kỳ kiến nghị nào của cổ đông về sai phạm của HĐQT, BTGD Công ty trong quá trình thực hiện nhiệm vụ.

Trong quá trình thực thi nhiệm vụ, Ban Kiểm soát đã được HĐQT, BTGD Công ty tạo mọi điều kiện thuận lợi để hoàn thành công việc.

3. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2014

Theo kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2014 được ĐHCĐ thông qua, Công ty CP Xây dựng và Nhân lực Việt Nam đã thực hiện như sau:

NỘI DUNG	KẾ HOẠCH	THỰC HIỆN	TỈ LỆ
Doanh thu	333.702.728.000	390.726.248.063	117%
Lợi nhuận trước thuế:	27.025.887.000	21.761.721.500	81%

*** Đánh giá hoàn thành chỉ tiêu kế hoạch điều chỉnh:**

- + Hoàn thành chỉ tiêu kế hoạch về doanh thu so với kế hoạch (đạt 117%).
- + Hoàn thành chỉ tiêu về lợi nhuận so với kế hoạch đề ra (đạt 81% kế hoạch).

Các nguyên nhân dẫn đến việc không hoàn thành về chỉ tiêu lợi nhuận được BTGD, HĐQT phân tích đánh giá rất rõ ràng, trong đó có những nguyên nhân khách quan như thay đổi kế hoạch thi công của Thủ chính tại dự án Algeria, về công tác nghiệm thu tại dự án Nhân Cơ, nguyên nhân chủ quan phải trích lập dự phòng khoản phải thu...

Nhận xét:

- Về báo cáo kế toán tuân thủ theo chế độ kế toán, được kiểm toán độc lập (Công ty TNHH kiểm toán và tư vấn A&C) đánh giá khách quan và phản ánh đúng thực trạng tình hình hoạt động của Công ty.

4. Về tình hình hoạt động tài chính

+ Về công tác kế toán: Nhìn chung, Công ty đã tuân thủ việc báo cáo kế toán theo đúng Luật và các chuẩn mực kế toán được ban hành của Nhà nước. Báo cáo tài chính năm 2014 được lập rõ ràng, rành mạch trên hệ thống phần mềm kế toán Misa và được đánh giá qua Công ty TNHH kiểm toán và tư vấn A&C. Ban KS cũng tiến hành đối chiếu số liệu trên báo cáo kế toán với các sổ kế toán chi tiết, sổ sách Công ty được tổ chức khoa học, ghi chép rõ ràng rất thuận lợi cho việc kiểm tra. Ban kiểm soát thống nhất xác nhận các chỉ tiêu thực hiện trên báo cáo kế toán.

+ Về công tác tài chính: Công ty đã chủ động trong việc tìm kiếm các nguồn tín dụng, bảo lãnh cho các dự án mới. Lập và sử dụng đúng mục đích nguồn tiền thu được từ việc tăng vốn điều lệ năm 2014. Đã lập và phân tích kế hoạch tài chính trong năm và điều chỉnh theo từng quý để phù hợp với tình hình tài chính theo từng giai đoạn cụ thể.

+ Về công tác đầu tư:

- Về đầu tư tài chính: Trong năm 2014, Công ty không tham gia đầu tư tài chính mà chỉ sử dụng nguồn tiền sẵn có để gửi có kỳ hạn tại Ngân hàng làm tài sản đảm bảo cho các khoản bảo lãnh.

- Về đầu tư mua sắm máy móc thiết bị: Công ty đã đầu tư mua sắm tài sản là các máy móc thiết bị phục vụ thi công các dự án mới ký kết hợp đồng vừa dùng vốn tự có và vốn vay Ngân hàng đã được HĐQT thông qua.

Kiến nghị:

1./ Về việc thực hiện kế hoạch SXKD năm 2015: Với tình hình kinh tế trong nước năm 2015 đã có diễn biến theo chiều hướng tốt hơn, nhưng chưa thực sự ổn định, vì vậy Ban điều hành cần tập trung vào việc tìm kiếm các hợp đồng với các đối tác nước ngoài sẽ đảm bảo dòng tiền và không bị ảnh hưởng nhiều về tình hình tài chính trong nước. Ban điều hành cũng phân tích thêm các nguyên nhân có thể làm ảnh hưởng đến kết quả SXKD năm 2015 để có phương án dự phòng và xây dựng các chỉ tiêu kế hoạch chính xác hơn.

2./ Về công tác tổ chức: Ban kiểm soát đề nghị Công ty tuyển dụng và đào tạo nguồn nhân sự có năng lực cho các dự án trong nước đồng thời làm nguồn chuẩn bị cho các dự án mới quốc tế.

3./ Về công tác tài chính: Ban điều hành phải tập trung vào công tác nghiệm thu thanh toán, giảm giá trị dở dang để giảm dư nợ Ngân hàng. Đồng thời có biện pháp giảm các khoản phải thu.

4./ Về công tác đầu tư: Thị trường bất động sản đã có những dấu hiệu phục hồi, vì vậy HĐQT, Ban điều hành cần tìm kiếm đối tác chuyển nhượng lại dự án TTTM Kinh Môn thu hồi vốn.

5. Kế hoạch hoạt động năm 2015.

****Nhiệm vụ chung:***

Năm 2015, Ban Kiểm soát sẽ tiếp tục thực hiện nhiệm vụ việc thay mặt cổ đông thường xuyên kiểm soát mọi hoạt động kinh doanh, quản trị và điều hành của Công ty. Định kỳ hàng quý, Ban Kiểm soát sẽ tiến hành kiểm tra, phân tích, đánh giá các hoạt động của Công ty thông qua các Báo cáo tài chính, đồng thời kiểm tra đánh giá các hoạt động của Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc, tham gia các cuộc họp HĐQT để nắm bắt, đánh giá tình hình hoạt động của Công ty một cách chính xác và đưa ra cảnh báo cáo vấn đề rủi ro tiềm ẩn và có trách nhiệm báo cáo trước toàn thể Đại hội đồng cổ đông. Trong hoạt động của mình, để đạt được hiệu quả tốt nhất, Ban Kiểm soát sẽ phải nỗ lực nhiều hơn nữa và rất mong sẽ tiếp tục nhận được sự hỗ trợ của các quý vị cổ đông cũng như của Hội đồng quản trị, sự hợp tác và phối hợp của Ban Tổng Giám đốc và các bộ phận nghiệp vụ trong Công ty.

****Hoạt động cụ thể:***

- Thẩm định báo cáo tài chính, tình hình thực hiện kết quả sản xuất kinh doanh.
- Xem xét tính hợp lý của các văn bản quản lý nội bộ Công ty ban hành.
- Báo cáo hoạt động Quản trị- Điều hành Công ty của HĐQT và Ban TGD.
- Kiểm tra việc thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông đề ra.
- Giám sát việc thực thi, công bố thông tin của Công ty theo quy định hiện hành.

III. BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

I. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÁC CHỈ TIÊU NĂM 2014

1. CÔNG TÁC SẢN XUẤT

1.1 CÁC DỰ ÁN XÂY LẮP TRONG NƯỚC:

Chi tiết các dự án như sau:

a) Dự án Ngàn Trươi:

Năm 2014, dự án đã cơ bản hoàn thành các hạng mục ký kết tại hợp đồng với 02 sự kiện quan trọng đó là: lễ chặn dòng đợt 1 và đợt 2 để phục vụ đắp đập vượt lũ, tích nước vào cuối năm 2015.

Giá trị sản lượng đã thực hiện được 355,2 tỷ/409,8 tỷ đồng tính đến 31/12/2014); trong đó giá trị sản lượng thực hiện trong năm 2014 đạt 86,6 tỷ đồng. Đồng thời Công ty cũng đã giải quyết xong khoảng 50% phần khối lượng phát sinh của giai đoạn trước.

b) Dự án Khe Chàm:

Với các hợp đồng đã ký kết, giá trị là 118 tỷ đồng (đã triển khai được 112,4 tỷ/126 tỷ đồng tính đến 31/12/2014); trong đó sản lượng thực hiện trong năm 2014 đạt 13,6 tỷ đồng.

Năm 2014, Công ty đã hoàn thành các hợp đồng đã ký kết, đồng thời hoàn thành công tác nghiệm thu thanh toán toàn bộ khối lượng dở dang tại dự án.

c) Dự án Thủy lợi Bản Mòng:

Do những vướng mắc về mặt bằng và việc bố trí vốn cho dự án bị chậm nên Công ty đã kết thúc phần việc thi công và bàn giao lại cho Chủ đầu tư, (đã triển khai được 31,3 tỷ/82,5 tỷ đồng tính đến 31/12/2014); trong đó sản lượng thực hiện trong năm 2014 đạt 31,3 tỷ đồng.

d) Dự án Hồ Bùn đỏ Nhân Cơ:

Do nhiều yếu tố bất lợi như: thời tiết khắc nghiệt, mưa nhiều đã gây khó khăn rất lớn cho việc triển khai thi công làm chậm tiến độ dự án (đã triển khai được 26,6 tỷ/33 tỷ đồng tính đến 31/12/2014); trong đó sản lượng thực hiện trong năm 2014 đạt 26,6 tỷ đồng.

e) Dự án Nông Sơn:

Với giá trị hợp đồng ký trong năm 2014 là 23,8 tỷ đồng, đến 31/12/2014 Công ty đã cơ bản hoàn thành các hạng mục thi công với giá trị sản lượng là 21,1 tỷ đồng.

f) Dự án Hồ Cầu Tư:

Cuối năm 2014, Công ty đã liên danh với Tổng công ty than Đông Bắc tham gia đấu thầu dự án Đập ngăn nước Hồ Cầu Tư và đã trúng thầu với giá trị hợp đồng là 90,25

tỷ đồng trong đó phần giá trị CM Việt Nam thi công là 45 tỷ đồng (đã triển khai được 4,4 tỷ/45 tỷ đồng tính đến 31/12/2014).

1.2 CÁC DỰ ÁN NHÂN LỰC VÀ XÂY LẮP QUỐC TẾ

a) Dự án Algeria:

Cuối năm 2014 do kế hoạch thi công thay đổi nên Nhà thầu chính Cojaal phải dừng thi công Dự án Đại Lộ Đông Tây tại Algeria, do đó Công ty đã rút hết nhân sự về nước, nên giá trị sản lượng thực hiện trong năm 2014 đạt 19,1 tỷ đồng.

b) Dự án Ulu-Jelai Malaysia:

Năm 2014, dự án thủy điện Ulu-Jelai đã đi vào giai đoạn hoàn thiện, khối lượng công việc không còn nhiều, nên tháng 11/2014, Công ty đã quyết định thanh lý hợp đồng và kết thúc dự án với sự đánh giá cao của Chủ đầu tư về chất lượng thi công cũng như kỹ năng của người lao động. Giá trị sản lượng thực hiện được trong năm đạt 6,19 tỷ đồng.

c) Dự án thủy điện Xayabury -Lào:

Bước sang năm 2014, Công ty xác định đây là dự án trọng điểm cùng với những yêu cầu khắt khe về cả tiến độ và chất lượng của Chủ đầu tư nên đã tập trung mọi nguồn lực, đẩy mạnh tiến độ thi công.

Tháng 5/2014, Công ty đã triển khai thành công mô hình sản xuất đặc thù thúc đẩy năng suất lao động, vượt tiến độ vượt so với kế hoạch. Hiện tại, các công việc của hạng mục đập tràn đã hoàn thành, cùng với sự đánh giá cao về mặt chất lượng đặc biệt là tiến độ thi công luôn dẫn đầu so với các nhà thầu quốc tế khác.

Kết thúc năm 2014, giá trị sản lượng đạt 42,28 tỷ đồng. Sang năm 2015, CM Việt Nam đã nhận được lời mời của Chủ đầu tư tiếp tục thi công giai đoạn 2 dự kiến sẽ kết thúc đàm phán vào cuối tháng 4/2015 và sẽ triển khai vào tháng 6/2015.

d) Dự án thủy điện Xepian Xenamnoy -Lào:

Đây là dự án thứ 2 được triển khai tại nước CHDCND Lào với giá trị hợp đồng đã ký là 171,1 tỷ đồng và được khởi công vào tháng 6/2014. Dự án đã đánh dấu sự trưởng thành vượt bậc của CM Việt Nam trong lĩnh vực xây lắp: chuyển đổi từ nhà thầu nhân công quốc tế sang nhận thầu trực tiếp thi công các dự án ở nước ngoài. Đây là bước đầu trong quá trình CMVietnam sẽ vươn ra thị trường xây lắp quốc tế.

Sau 6 tháng kể từ khi ký hợp đồng, Công ty đã tập trung các phương tiện máy móc, thiết bị, vật tư và nhân lực để đẩy nhanh tiến độ thi công các hạng mục, được chủ đầu tư đánh giá cao với sản lượng đạt 54,3 tỷ đồng, đảm bảo hiệu quả và tiến độ theo kế hoạch.

2. CÔNG TÁC THỊ TRƯỜNG

2.1 Xây lắp trong nước:

Năm 2014 Công ty đã ký được 02 hợp đồng mới về thi công xây lắp trong nước, cụ thể:

- + Dự án Đào đắp hồ chứa xỉ thải, dự án nhiệt điện Nông Sơn, giá trị 23,8 tỷ đồng
- + Dự án Hồ Cầu Tư, giá trị 45 tỷ đồng.
- + Tiếp tục đàm phán các hợp đồng mới như: Gia cố hầm vận chuyển vật liệu nhà máy xi măng Nghi Sơn, Hợp đồng đào lò Khe Chàm.
- + Nghiên cứu triển khai dự án hầm thủy điện bằng công nghệ mới với đối tác Chủ đầu tư EVN.

2.2 Xây lắp tại nước ngoài:

Năm 2014 đánh dấu sự phát triển, đổi mới về hình thức triển khai thi công các dự án nước ngoài. Từ chỗ chỉ là nhà thầu đơn thuần về nhân lực cho các đối tác nước ngoài, CMVietnam đã tiến tới đàm phán và ký hợp đồng xây lắp tại nước ngoài:

- + Ký hợp đồng với Nhà thầu chính SK (Hàn Quốc) thi công đường ống áp lực, nhà máy và trạm phân phối điện của Nhà máy thủy điện Xepian Xenamnoy tại Lào vào tháng 07/2014, giá trị hợp đồng 171,1 tỷ đồng.
- + Tiếp tục duy trì mối quan hệ hợp tác với các đối tác Kajima, CMC, SK, Ch Karn Chang, Salini, Doulas... và mở rộng quan hệ với các đối tác quốc tế khác.

3. HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ

a) Đầu tư trong thiết bị sản xuất, quản lý:

Thực hiện theo Nghị quyết của ĐHĐCĐ thường niên năm 2014 phê duyệt việc sử dụng tiền tăng vốn thu được để đầu tư trang thiết bị, máy móc để phục vụ thi công các hợp đồng đã ký trong năm, Công ty đã sử dụng 10 tỷ đồng để đầu tư mua sắm một số máy móc, thiết bị sau:

TT	Nội dung	Số tiền mua sắm	Ghi chú
1	Mua xe bơm bê tông	5.174.040.544	Nguồn tăng vốn
2	Mua xe ô tô bán tải Toyota Hilux	707.083.272	Nguồn tăng vốn
3	Mua máy đào Komatsu PC450-6	745.454.545	Nguồn tăng vốn
4	Mua máy khoan, cào vơ...	3.510.793.006	Nguồn tăng vốn
5	Mua các tài sản khác	203.781.818	Nguồn tăng vốn
Tổng cộng		10.341.153.185	

Số tiền còn lại thu được của đợt tăng vốn là 20 tỷ đồng, Công ty đã bổ sung vào vốn lưu động để thi công dự án Hồ Cầu Tư, Dự án Nhiệt điện Nông Sơn, Dự án Xepian Xenamnoy... theo đúng Nghị quyết ĐHCĐ thường niên năm 2014 đã thông qua.

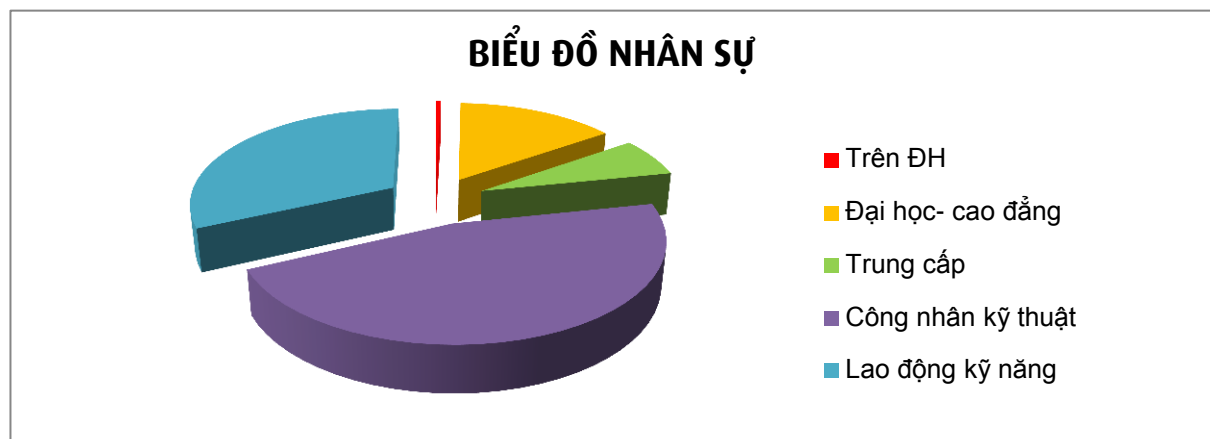
b) Vốn điều lệ và chính sách cổ tức:

Nội dung	Số tiền	Ghi chú
Chi trả cổ tức năm 2013 (15%) – VĐL 50 tỷ	7.500.000.000	Tháng 3/2014

4. Nhân sự:

Tổng cộng nhân sự toàn Công ty cả trong và ngoài nước gồm 445 người, trong đó:

- Trình độ trên đại học : 02
- Trình độ đại học, cao đẳng : 66
- Trình độ trung cấp : 29
- Công nhân kỹ thuật : 206
- Lao động có kỹ năng : 142



- Tổng quỹ lương trong năm của toàn công ty là 29,3 tỷ đồng (chưa bao gồm chi phí lương thuê thầu phụ nhân công), thu nhập bình quân trong nước đạt 9,267 triệu đồng/người/ tháng, nước ngoài đạt 14,233 triệu đồng/ người/ tháng.
- Số lao động được Công ty tham gia bảo hiểm xã hội đạt 98%.

5. Kết quả sản xuất kinh doanh: (chi tiết xem báo cáo kiểm toán hợp nhất)

NỘI DUNG	KẾ HOẠCH	THỰC HIỆN	TỈ LỆ
Doanh thu	333.702.728.000	390.726.248.063	117%
Lợi nhuận trước thuế:	27.025.887.000	21.761.721.500	81%

+ Doanh thu năm 2014 đạt 390,7 tỷ đồng, tăng 117% so với kế hoạch: Do trong năm

Công ty đã đẩy nhanh tiến độ thi công các dự án cũ để tập trung cho các dự án mới ký hợp đồng.

+ Lợi nhuận năm 2014 đạt 21,7 tỷ đồng, chỉ đạt 81% so với kế hoạch: Nguyên nhân chủ yếu làm giảm chỉ tiêu lợi nhuận:

- Công ty đã trích dự phòng khoản phải thu khó đòi là 5,749 tỷ đồng.
- Tại dự án Algeria vì lý do kế hoạch thi công thay đổi nên Nhà thầu chính Cojaal phải dừng thi công Dự án Đại Lộ Đông Tây tại Algeria, do đó Công ty đã rút hết nhân sự về nước.
- Dự án Hồ Bùn đỏ Nhân Cơ bị ảnh hưởng của điều kiện thời tiết khắc nghiệt, mưa nhiều đã gây khó khăn rất lớn cho việc triển khai thi công tại dự án làm chậm tiến độ, ảnh hưởng đến kết quả đề ra.

6. Phân tích một số chỉ tiêu tài chính:

Chỉ tiêu	Thực hiện năm 2013 (triệu đồng)	Thực hiện năm 2014 (triệu đồng)	So sánh (%)
Tổng doanh thu	267.519	390.726	146,1%
Tổng giá vốn	213.999	335.085	156,6%
Chi phí bán hàng	11.685	8.449	72,3%
Chi phí QLDN	19.816	23.063	116,4%
Lợi nhuận từ HĐKD	16.999	21.703	127,7%
Thu nhập khác	1.521	19.055	1.252,8%
Chi phí khác	1.898	18.997	1.000,9%
Lợi nhuận khác	(377)	58	
Lợi nhuận trước thuế	16.621	21.761	130,9%
Thuế TNDN hiện hành	4.630	5.649	122,0%
Lợi nhuận sau thuế	11.991	16.111	134,4%
Tổng giá trị tài sản cuối kỳ	228.969	265.420	115,9%

Tổng nguồn vốn chủ sở hữu	68.973	107.220	155,5%
Lợi nhuận sau thuế/Vốn cổ phần	23,9%	20%	83,7%
Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu	4,5%	4,1%	91,1%
Thu nhập trên mỗi cổ phần (Đ/CP)	2.398	2.197	81,6%
Cổ tức trên mỗi cổ phiếu	1.500	1.500	100%

7. Phân tích hệ số phù hợp trong khu vực kinh doanh:

- Các hệ số của doanh nghiệp Việt Nam cùng ngành hiện nay:

- + Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu : 4,0%
- + Thu nhập trên mỗi cổ phiếu : >3.000 đồng

Như vậy hệ số của Công ty so với các doanh nghiệp cùng ngành ở mức độ trung bình.

- Giá trị sổ sách tại thời điểm 31/12 của năm báo cáo

Tại thời điểm 31/12/2014 (mệnh giá 10.000 đồng/1 cổ phần)

- + Giá trị sổ sách = (Nguồn vốn, quỹ/số CP đang lưu hành bq) = 14.324 đồng
- + Cổ tức : 15%/năm

8. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu:

Các chỉ tiêu	Năm 2013	Năm 2014	Ghi chú
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn: <i>TSLĐ/Nợ ngắn hạn</i>	1,24	1,41	
+ Hệ số thanh toán nhanh: <i>TSLĐ - Hàng tồn kho</i> <i>Nợ ngắn hạn</i>	0,65	0,98	
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
+ Tổng nợ/Tổng tài sản	0,68	0,58	
+ Tổng nợ/Vốn chủ sở hữu	2,2	1,45	
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
+ Vòng quay hàng tồn kho: <i>Giá vốn hàng bán</i> <i>Hàng tồn kho bình quân</i>	3,5	3	
+ Doanh thu thuần/Tổng tài sản	1,17	1,47	

4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	4,9%	4,1%	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	17,4%	15,0%	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	5,2%	6,1%	
+ Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	6,3%	5,6%	

II. KẾ HOẠCH SXKD NĂM 2015 VÀ PHƯƠNG HƯỚNG, GIẢI PHÁP THỰC HIỆN

1. Đặc điểm tình hình:

Nếu năm 2014 là một năm với đầy biến động và khó khăn thách thức đối với các doanh nghiệp, sản xuất kinh doanh chịu áp lực từ những bất ổn về kinh tế và chính trị của thị trường thế giới, cùng với những khó khăn từ những năm trước chưa được giải quyết triệt để như áp lực về khả năng hấp thụ vốn của nền kinh tế chưa cao; sức ép nợ xấu còn nặng nề; hoạt động sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp còn khó khăn, năng lực quản lý và cạnh tranh của doanh nghiệp thấp, tồn kho hàng hóa vẫn ở mức cao.. thì năm 2015 được đánh giá sẽ có hội nhập sâu rộng và tạo đà thuận lợi cho doanh nghiệp phát triển hơn năm trước, kinh tế vĩ mô cơ bản ổn định sẽ có hàng loạt cơ hội được mở ra. Trong nước lạm phát được kiểm chế khá tốt, lãi suất đã và được dự báo là sẽ tiếp tục giảm, tỷ giá ổn định... Cùng với đó là việc thay đổi cơ chế chính sách với một loạt các quy định mới do Nhà nước ban hành và có hiệu lực ngay từ Quý I/2015, trong đó có các quy định có liên quan và tác động trực tiếp đến các lĩnh vực hoạt động của Công.

***Khó khăn**

- Tình hình kinh tế thế giới còn nhiều khó khăn, chiến tranh, dịch bệnh, mất giá của đồng EUR và tỷ lệ thất nghiệp ngày càng tăng dẫn đến khó khăn cho Công ty trong việc tìm kiếm và triển khai các hợp đồng cung ứng nhân lực quốc tế mới.
- Tình hình kinh tế trong nước vẫn còn khó khăn dẫn đến cắt giảm đầu tư công, tạo áp lực cạnh tranh về công việc giữa các doanh nghiệp ngày càng gay gắt.
- Giá nguyên vật liệu sẽ biến động theo chiều hướng tăng theo giá điện, giá ngoại tệ gây bất lợi cho hoạt động sản xuất của Công ty. Khó khăn trong công tác bù giá theo hợp đồng.
- Tình hình nợ xấu chưa được cải thiện nên dòng tín dụng vẫn bị tắc nghẽn, nền kinh tế không hấp thụ được vốn. Tình trạng thừa tiền thiếu vốn còn kéo dài. Khả năng tiếp cận vốn của Chủ đầu tư, doanh nghiệp vẫn còn khó khăn. Điều này ảnh hưởng lớn đến các Chủ đầu tư dự án sẽ chưa bố trí được vốn cho các công trình.

****Thuận lợi***

- Uy tín và thương hiệu của Công ty đã được khẳng định trên thị trường trong nước và quốc tế, tạo được sự tin cậy với các khách hàng, các nhà cung ứng, các cơ quan quản lý nhà nước và các tổ chức tín dụng trên địa bàn hoạt động.
- Các quy định mới của Chính Phủ về tư nhân hóa các công trình hạ tầng xây dựng đã tạo điều kiện thuận lợi cho các Doanh nghiệp xây lắp.
- Việc tìm đối tác chiến lược để tăng vốn tạo sự chủ động về nguồn vốn cho các hoạt động của Công ty và các dự án mới, đồng thời công tác quản lý dòng tiền chặt chẽ góp phần làm cho hoạt động sản xuất kinh doanh đạt hiệu quả.
- Việc đang đàm phán hợp đồng xây lắp trong đã ký nước như: Các dự án của Bộ No&PTNT, Tập đoàn Than Khoáng sản, Tập đoàn Điện lực đảm bảo nguồn việc đến hết năm 2016. Các hợp đồng cung ứng nhân công quốc tế đang tiếp cận và chuẩn bị ký hợp đồng như: Dự án thủy điện Sendje - Guinea Xích Đạo, Thủy điện Xayabury - Lào (Giai đoạn 2), Thủy điện Xepian Xenamnoy - Lào (bổ sung thêm hợp đồng), Xe Katam - Lào cũng đảm bảo nguồn công việc trong vòng 2-3 năm tới.

2. Kế hoạch SXKD năm 2015:

2.1 Mục tiêu:

- CMVietnam kiên trì thực hiện các mục tiêu theo định hướng của Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2013 - 2017, tuy nhiên có xem xét, điều chỉnh cho phù hợp với tình hình thực tế. Năm 2015, với mục tiêu duy trì sự ổn định SXKD, đảm bảo mức cổ tức hợp lý, nâng cao thu nhập cho người lao động, an toàn trong lao động.
- Đảm bảo thi công các công trình, dự án đúng tiến độ, đảm bảo chất lượng an toàn và kỹ - mỹ thuật; Đặc biệt là phấn đấu mở rộng thị trường quốc tế để đạt doanh số chiếm trên 60% tỷ trọng Tổng doanh thu của Công ty.
- Phát triển, khẳng định vị thế của thương hiệu mới của Công ty trên thị trường, với các Chủ đầu tư và với các khách hàng.

2.2 Kế hoạch sản xuất kinh doanh

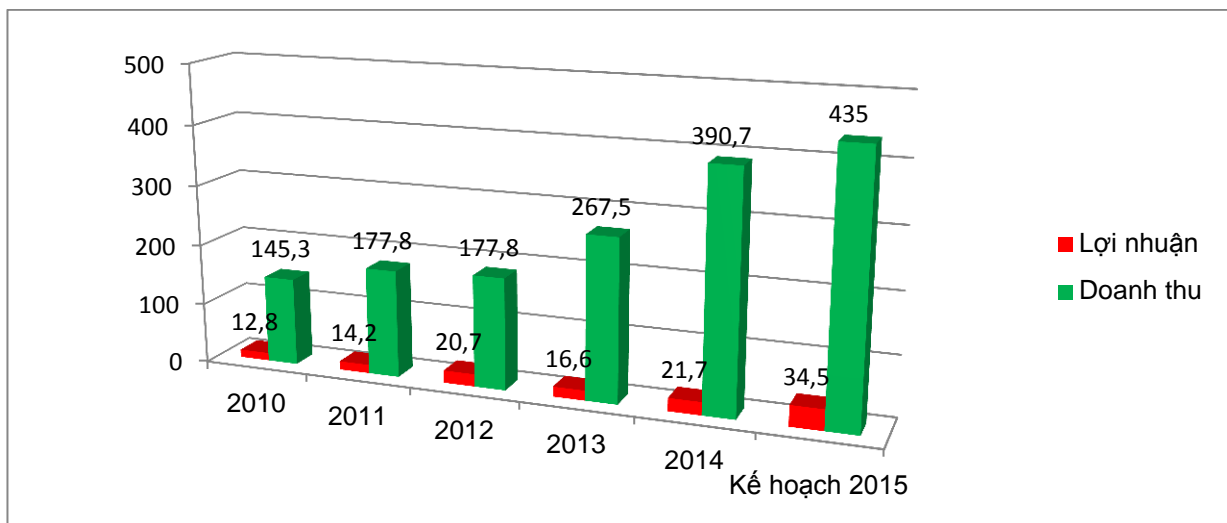
Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2015 của Công ty được xây dựng trong bối cảnh kinh tế vẫn chưa có những dấu hiệu tăng trưởng ổn định, môi trường hoạt động còn nhiều thách thức. Nội dung kế hoạch được xây dựng dựa trên các căn cứ từ thực trạng của Công ty, từ nhận định và phân tích môi trường kinh doanh để nhìn nhận được những điểm yếu, điểm mạnh, cơ hội và thách thức của Công ty trong thời gian tới. Trên cơ sở đó đề ra định hướng kinh doanh, các chỉ tiêu kế hoạch và biện pháp thực hiện cho hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2015 của Công ty nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động, mang lại nhiều lợi ích hơn nữa cho các cổ đông và người lao động của Công ty.

Các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh hợp nhất của Công ty như sau:

Nội dung	Thực hiện 2014	Kế hoạch 2015	Tỷ lệ tăng trưởng
Doanh thu (VND)	390.726.248.063	435.059.143.000	111,3%
Lợi nhuận trước thuế (VND)	21.761.721.500	34.510.652.000	158,6%
Cổ tức	15%	15%	100%

BIỂU ĐỒ TĂNG TRƯỞNG CÔNG TY 2010-2015

Đơn vị tính: 1.000 triệu đồng



3. Phương hướng hoạt động năm 2015

3.1 Dự án xây lắp trong nước:

- + **Dự án Ngàn Trươi:** Tập trung thi công để kết thúc dự án trước 30/06/2015. Đồng thời tìm kiếm cơ hội mở rộng phạm vi công việc với Bộ No & PTNT và tỉnh Hà Tĩnh tại các hạng mục khác của dự án.
- + **Dự án Khe Chàm:** Đây là hợp đồng đào lò đầu tiên của Công ty ký với Tập đoàn Than Khoáng sản và Công nghiệp nên việc tập trung thi công đúng tiến độ, đảm bảo an toàn là nhiệm vụ hàng đầu của CMVietnam. Đảm bảo được mục tiêu kế hoạch trên sẽ là tiền đề cho các hợp đồng đào lò vào những năm tiếp theo khi Vinacomin đang chuyển dần từ khai thác lộ liên sang khai thác sâu.
- + **Dự án Nhân Cơ:** Tập chung đẩy nhanh tiến độ kết thúc trước mùa mưa năm 2015.
- + **Dự án Hồ Cầu Tư:** Tập trung đẩy nhanh tiến độ, hoàn thành các công việc theo yêu cầu của Chủ đầu tư. Khẳng định thương hiệu của CM Vietnam đối với Tập đoàn Than Khoáng sản, tạo tiền đề mở ra một hướng đi mới cho Công ty.
- + **Các dự án mới:** Công ty đang chuẩn bị đấu thầu thêm một số dự án mới, trong đó có những dự án lớn sử dụng công nghệ hiện đại, nếu trúng thầu sẽ là động lực cải tiến công nghệ thi công xây dựng của Công ty. Ngoài ra, Công ty cũng đang nghiên cứu để tham gia đầu tư một dự án BOT về giao thông phù hợp với năng lực của CMVietnam để

tạo giá trị tích lũy trong tương lai và đảm bảo nguồn việc cho những năm tiếp theo. BĐH lạc quan tin tưởng với uy tín & thương hiệu của Công ty sẽ tiếp tục sớm nhận được các dự án mới.

3.2 Dự án xây lắp ngoài nước:

- + **Dự án thủy điện Xe pian Xenamnoy - Lào:** Đây là dự án có đơn giá cao nên việc đẩy nhanh tiến độ sẽ mang lại hiệu quả tốt và mở ra các cơ hội công việc thi công các hạng mục tiếp theo của dự án.
- + **Dự án thủy điện Xayabury - Lào:** Chuẩn bị nhân lực sẵn sàng để triển khai hợp đồng giai đoạn 2 dự kiến vào tháng 7/2015.
- + **Dự án thủy điện Sendje - Genuie Xích Đạo:** Chuẩn bị nhân lực sẵn sàng để triển khai hợp đồng vào quý 2 năm 2015.

3.3 Công tác thị trường:

- Tiếp tục duy trì quan hệ với các đối tác, khách hàng hiện tại và mở rộng tìm kiếm các khách hàng, thị trường cho giai đoạn tới.
- Tăng cường hợp tác cùng đối tác chiến lược để tăng năng lực tìm kiếm thị trường.

3.4 Công tác Đầu tư:

- Nghiên cứu và tiến tới đầu tư dây truyền công nghệ mới sẵn sàng cho việc đón đầu các dự án Công ty đang tiếp cận.
- Tìm kiếm đối tác để chuyển giao hoặc cho thuê tòa nhà TTTM Kinh Môn.

3.5. Công tác Tài chính Kế toán:

- Tìm kiếm và xây dựng hạn mức vốn lưu động, trung và dài hạn tại Ngân hàng để ổn định nguồn tài chính, bảo lãnh cho các dự án xây lắp mới ký hợp đồng và đầu tư thiết bị thi công.
- Tăng cường công tác thu hồi vốn đối với các dự án xây lắp trong nước, đặc biệt là các dự án sắp kết thúc.
- Tăng cường công tác kiểm soát rủi ro, thiết lập duy trì quan hệ hợp tác chiến lược với các đối tác, hạn chế tình trạng bị chiếm dụng vốn, hay gặp phải nợ khó đòi. Trong điều kiện cho phép, đàm phán tăng tỷ lệ tạm ứng để giảm sử dụng nguồn vốn vay bù đắp sự thiếu hụt nguồn vốn và giảm rủi ro thanh toán.
- Đảm bảo tài chính lành mạnh, chi trả kịp thời các nghĩa vụ thuế, tiền lương, cổ tức, bảo hiểm, các khoản công nợ, quan hệ tín dụng tốt.

3.6. Công tác Nhân sự:

- Đối với CMVietnam, nguồn nhân lực là yếu tố quan trọng hàng đầu, quyết định sự phát triển của Công ty trong những năm vừa qua. Phát triển nguồn nhân lực là khâu đột phá trong chiến lược phát triển Công ty.

- Tăng cường công tác tuyển dụng đào tạo lao động có tay nghề, dự kiến số lao động cần cho các dự án nước ngoài trong năm 2015 khoảng 900 lao động.
- Tinh gọn, sắp xếp lại mô hình tổ chức theo hướng tăng năng suất lao động và hiệu quả chứ không tăng thêm người, bố trí nguồn lực theo hướng chuyên môn hóa sâu, đảm bảo công tác quản lý và điều hành hiệu quả nhất.
- Có chính sách kịp thời để giữ chân người lao động có tay nghề khi kết thúc các hợp đồng tại dự án nước ngoài.

4. Giải pháp thực hiện kế hoạch 2015

- Tiếp tục tập trung vào mảng kinh doanh cốt lõi, tận dụng điểm mạnh về nguồn nhân lực, kỹ thuật thi công, các máy móc thiết bị sẵn có và tiềm lực về tài chính. Quan hệ tốt với các đối tác để sẵn sàng đón đầu sự tăng trưởng trở lại của ngành xây dựng cơ sở hạ tầng trong nước.
- Sẵn sàng nguồn nhân lực chuẩn bị cho dự án Xayabury - Lào giai đoạn 2 và Dự án thủy điện Sendje - Genuie Xích Đạo.
- Phát huy lợi thế về mối quan hệ sẵn có với Tập đoàn Than - Khoáng sản, Bộ No & PTNT để đảm bảo nguồn việc ổn định trong tương lai.
- Hoàn thiện bộ máy tổ chức, tuyển dụng các cán bộ có năng lực vào bộ máy điều hành, tuyển dụng và đào tạo tay nghề cho các công nhân, thợ vận hành để đáp ứng kịp thời về tiến độ cấp nhân công cho các dự án trong và ngoài nước.
- Nghiên cứu, cải tiến tổ chức sản xuất tại các dự án xây lắp, phát huy ưu thế của cơ chế khoán sản phẩm để nâng cao năng suất lao động toàn Công ty.
- Tăng cường công tác quản lý, công tác định mức nhằm kiểm soát chi phí, tránh chi phí phát sinh, tiết kiệm tối đa các chi phí đầu vào trong sản xuất để tăng hiệu quả kinh doanh.
- Chủ động về nguồn tài chính: thu hồi vốn từ CĐT, duy trì quan hệ tín dụng đảm bảo nguồn vốn cho sản xuất, tìm kiếm các đối tác có năng lực tài chính tham gia các dự án đầu tư của công ty, trình HĐQT xem xét về kế hoạch chào bán cổ phiếu để tăng cường năng lực tài chính của Công ty
- Xây dựng hệ thống thông tin giữa Công ty và các cổ đông, các nhà đầu tư, các Công ty Chứng khoán nhằm tạo mối liên hệ gắn bó, tạo điều kiện cho các nhà đầu tư hiểu rõ hơn nữa về thực lực và tiềm năng của Công ty.
- Tìm kiếm đối tác để chuyển nhượng toàn bộ tòa nhà TTTM Kinh Môn.
- Phát động phong trào thi đua toàn Công ty về việc phấn đấu hoàn thành xuất sắc kế hoạch SXKD năm 2015 và đồng thời tổ chức đánh giá khen thưởng kịp thời các cá nhân, tập thể dự án có thành tích cao trong thực hành tiết kiệm, có sáng tạo trong công việc góp phần hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao.

IV. THÔNG TIN CỔ ĐÔNG/ THÀNH VIÊN GÓP VỐN

SỐ CỔ PHẦN SỞ HỮU CỦA CÁC THÀNH VIÊN HĐQT, BAN KIỂM SOÁT, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ KẾ TOÁN TRƯỞNG TẠI THỜI ĐIỂM THÁNG 12/2014.

STT	Họ và tên	Chức vụ	Số CP sở hữu	Tỷ lệ %/Tổng CP
Hội đồng quản trị				
1	Phạm Minh Phúc	Chủ tịch HĐQT	1.204.609	15,06%
2	Kim Ngọc Nhân	Phó CT HĐQT	555.946	6,95%
3	Nguyễn Văn Phi	Thành viên HĐQT	96.894	1,21%
4	Đào Tiến Dương	Thành viên HĐQT	63.300	0,79%
5	Nguyễn Thị Loan	Thành viên HĐQT	27.300	0,34%
Ban Kiểm soát				
1	Phạm Hồng Anh	Trưởng BKS	0	0%
2	Trương Thị Luyện	Thành viên BKS	0	0%
3	Phạm Văn Trọng	Thành viên BKS	0	0%
Ban Tổng Giám đốc				
1	Kim Ngọc Nhân	Tổng Giám đốc	555.946	6,95%
2	Nguyễn Văn Phi	Phó Tổng Giám đốc	96.894	1,21%
3	Dương Ngọc Trường	Phó Tổng Giám đốc	29.208	0,37%
4	Đinh Thị Thủy	Phó Tổng Giám đốc	70.510	0,88%
Kế toán trưởng				
1	Đinh Thị Thủy	Kế toán trưởng	70.510	0,88%

CÁC DỮ LIỆU THỐNG KÊ VỀ CỔ ĐÔNG/THÀNH VIÊN GÓP VỐN.

Cổ đông/ thành viên góp vốn nhà nước: Không có.

Cơ cấu cổ đông đến ngày 31/12/2014

TT	Cổ đông	Số cổ phần	Giá trị (đồng)	Tỷ lệ (%)
I	Cổ đông trong nước	7.566.400	75.664.000.000	94,58%
1	Cổ đông tổ chức	3.323	33.230.000	0,04%
2	Cổ đông cá nhân	7.563.077	75.630.770.000	94,54%
II	Cổ đông nước ngoài	433.600	4.336.000.000	5,42%
1	Cổ đông tổ chức	264.800	2.648.000.000	3,31%
2	Cổ đông cá nhân	168.800	1.688.000.000	2,11%
	Tổng cộng	8.000.000	80.000.000.000	100%

Danh sách cổ đông lớn tại ngày 31/12/2014

TT	Tên cổ đông	Địa chỉ	Số cổ phần (cổ phần)	Tỷ lệ (%)
1	Phạm Minh Phúc	Lô B8-9A Richland Southern, 233 Xuân Thủy, P. Dịch Vọng Q. Cầu Giấy, Hà Nội	1.204.609	15,05%
2	Phạm Văn Sỹ	Xã Lạc Long, Huyện Kinh Môn, tỉnh Hải Dương	754.568	9,43%
3	Kim Ngọc Nhân	P1701 - CT1, KĐT Mễ Trì, P. Mỹ Đình 1, Q. Nam Từ Liêm, Hà Nội.	555.946	6,94%
	Tổng cộng		2.515.123	31,42%

ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT



TỔNG GIÁM ĐỐC

Kim Ngọc Nhân

V. BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT NĂM 2014 (Đã kiểm toán)



**BAKER TILLY
A&C**

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN A&C
A&C AUDITING AND CONSULTING CO., LTD.**



BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC
NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2014

**CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG
VÀ NHÂN LỰC VIỆT NAM**

MỤC LỤC

	Trang
1. Mục lục	1
2. Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2 - 5
3. Báo cáo kiểm toán	6 - 7
4. Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2014	8 - 11
5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất năm 2014	12
6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất năm 2014	13 - 14
7. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2014	15 - 44



BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Xây dựng và Nhân lực Việt Nam trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 bao gồm Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Xây dựng và Nhân lực Việt Nam (công ty mẹ) và các công ty con (gọi chung là Tập đoàn).

Khái quát về Tập đoàn

Công ty mẹ

Công ty Cổ phần Xây dựng và Nhân lực Việt Nam (trước đây là Công ty Cổ phần Cavico Xây dựng Nhân lực và Dịch vụ) là công ty cổ phần hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103018225 ngày 02 tháng 07 năm 2007 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp.

Trong quá trình hoạt động, Công ty đã 08 lần được Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp bổ sung các Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh do bổ sung ngành nghề kinh doanh, đổi tên Công ty và tăng vốn điều lệ.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh

50.000.000.000 VND

Vốn pháp định

6.000.000.000 VND

Trụ sở chính:

Địa chỉ : 14 Đặng Thùy Trâm, xã Cổ Nhuế, huyện Từ Liêm, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Điện thoại : 04.62690742

Fax : 04.62690741

E-mail : info@cmvietnam.vn

Mã số thuế : 0102307343

Hoạt động kinh doanh của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh:

- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác:
 - Xây dựng công trình công nghiệp, trừ nhà cửa như: Các nhà máy lọc dầu, các xưởng hóa chất;
 - Xây dựng công trình cửa như: Đường thủy, bến cảng và các công trình trên sông, các cảng du lịch, cửa cống, đập và đê;
 - Xây dựng đường hầm;
 - Các công trình xây dựng khác không phải nhà cửa như: Các công trình thể thao ngoài trời;
- Khai thác và thu gom than cứng;
- Khai thác và thu gom than non;
- Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét;
- Khai thác và thu gom than bùn;
- Xây dựng công trình công ích;
- Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng: Bán buôn sản phẩm gỗ sơ chế, vật liệu xây dựng như: cát, sỏi, kính phẳng, ống nối, khớp nối và chi tiết lắp ghép khác, bình đun nước nóng, thiết bị lắp đặt vệ sinh như: ống, ống dẫn, khớp nối, vòi, cút chữ T, ống cao su, dụng cụ cầm tay: búa, cưa, tua vít, dụng cụ cầm tay;
- Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng khác;
- Phá dỡ;

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ NHÂN LỰC VIỆT NAM

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

- Chuẩn bị mặt bằng;
- Lắp đặt hệ thống điện;
- Lắp đặt hệ thống xây dựng khác:
 - Lắp đặt hệ thống thiết bị khác không thuộc về điện, hệ thống ống tưới nước, hệ thống lò sưởi và điều hòa nhiệt độ hoặc máy móc công nghiệp trong ngành xây dựng và xây dựng dân dụng kỹ thuật dân dụng;
 - Lắp đặt hệ thống thiết bị công nghiệp trong ngành xây dựng và xây dựng dân dụng như: thang máy, cầu thang tự động, các loại cửa tự động, hệ thống đèn chiếu sáng, hệ thống hút bụi, hệ thống âm thanh, hệ thống thiết bị dùng cho vui chơi giải trí;
- Bán buôn kim loại và quặng kim loại;
- Cho thuê máy móc và đồ dùng hữu hình khác: cho thuê máy móc và thiết bị nông lâm nghiệp, xây dựng và văn phòng;
- Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác: bán buôn, bán lẻ và đại lý phụ tùng, các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ;
- Cho thuê xe có động cơ;
- Hoạt động của các trung tâm, đại lý tư vấn, giới thiệu và môi giới lao động, việc làm;
- Cung ứng lao động tạm thời;
- Giáo dục nghề nghiệp: dạy nghề (chỉ hoạt động sau khi được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cho phép);
- Cung ứng và quản lý nguồn lao động: cung ứng và quản lý nguồn lao động trong nước, lao động đi làm việc ở nước ngoài (theo giấy phép số 209/LĐTĐXH-GP ngày 9/11/2009);
- Kinh doanh bất động sản, dịch vụ giới thiệu việc làm trong nước.

(Doanh nghiệp chỉ hoạt động xây dựng công trình khi đáp ứng đủ điều kiện năng lực theo quy định của pháp luật).

Các công ty con

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Giấy phép thành lập	Tỷ lệ sở hữu
Công ty Cổ phần CM Đầu tư và Thương mại	Số 14, Phố Đặng Thùy Trâm, Từ Liêm, Hà Nội	Số 0104075049 ngày 24 tháng 7 năm 2009 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp	100%
Công ty TNHH CM Xây dựng	Số 14, Phố Đặng Thùy Trâm, Từ Liêm, Hà Nội	Số 0105156759 ngày 21 tháng 2 năm 2011 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp	100%
Công ty Cổ phần CM Thành Đông	Phố Cộng Hòa, thị trấn Kinh Môn, huyện Kinh Môn, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương.	Số 0800932611 ngày 29 tháng 3 năm 2012 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hải Dương cấp	69,67%

Tình hình tài chính và hoạt động kinh doanh

Tình hình tài chính hợp nhất tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2014, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày của Tập đoàn được trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm báo cáo này (từ trang 07 đến trang 44).

Sự kiện sau ngày kết thúc năm tài chính

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Xây dựng và Nhân lực Việt Nam khẳng định không có sự kiện nào xảy ra sau ngày 31 tháng 12 năm 2014 cho đến thời điểm lập báo cáo này cần thiết phải có các điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính hợp nhất.

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ NHÂN LỰC VIỆT NAM

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý

Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc của Công ty Cổ phần Xây dựng và Nhân lực Việt Nam trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Phạm Minh Phúc	Chủ tịch	05 tháng 7 năm 2007	
Ông Kim Ngọc Nhân	Phó Chủ tịch	05 tháng 7 năm 2007	
Ông Phạm Minh Hậu	Thành viên	12 tháng 5 năm 2012	24 tháng 02 năm 2014
Ông Nguyễn Văn Phi	Thành viên	31 tháng 3 năm 2011	
Bà Nguyễn Thị Loan	Thành viên	14 tháng 11 năm 2013	
Ông Đào Tiến Dương	Thành viên	25 tháng 02 năm 2014	

Ban kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Ông Phạm Hồng Anh	Trưởng ban	12 tháng 5 năm 2012
Bà Trương Thị Luyến	Thành viên	12 tháng 5 năm 2012
Ông Phạm Văn Trọng	Thành viên	05 tháng 3 năm 2014

Ban Tổng Giám đốc

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Kim Ngọc Nhân	Tổng Giám đốc	09 tháng 4 năm 2008	
Ông Dương Ngọc Trường	Phó Tổng Giám đốc	20 tháng 9 năm 2007	
Ông Nguyễn Văn Phi	Phó Tổng Giám đốc	10 tháng 10 năm 2011	
Ông Đào Tiến Dương	Phó Tổng Giám đốc	16 tháng 01 năm 2010	25 tháng 02 năm 2014
Bà Đinh Thị Thủy	Phó Tổng Giám đốc	25 tháng 02 năm 2014	

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014, A&C bày tỏ nguyện vọng tiếp tục được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn.

Xác nhận của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Xây dựng và Nhân lực Việt Nam chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn trong từng năm tài chính. Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Xây dựng và Nhân lực Việt Nam phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu để đảm bảo việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ NHÂN LỰC VIỆT NAM

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo rằng, Công ty Cổ phần Xây dựng và Nhân lực Việt Nam đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất; các số kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phân ánh tại bất kỳ thời điểm nào, với mức độ chính xác hợp lý tình hình tài chính của Tập đoàn và Báo cáo tài chính hợp nhất được lập tuân thủ các chuẩn mực và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính.

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Xây dựng và Nhân lực Việt Nam cũng chịu trách nhiệm bảo vệ an toàn tài sản của Tập đoàn và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Phê duyệt Báo cáo tài chính

Ban Tổng Giám đốc phê duyệt Báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm. Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Xây dựng và Nhân lực Việt Nam tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2014, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và các luồng lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc,

Tổng Giám đốc



Kim Ngọc Nhân

Ngày 23 tháng 3 năm 2015



**BAKER TILLY
A&C**

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN A&C
A&C AUDITING AND CONSULTING CO., LTD.**

Số: 164/2015/BCTC-KTTV

Headquarters : 2 Trương Sơn St., W. 2, Tân Bình Dist., Ho Chi Minh City
Tel: (84.8) 3 5472972 - Fax: (84.8) 3 5472970
Branch in Ha Noi : 40 Giang Vo St., Dong Da Dist., Ha Noi City
Branch in Nha Trang : 18 Trần Khanh Du St., Nha Trang City
Branch in Can Tho : 162C/4 Trần Ngọc Que St., Can Tho City
www.a-c.com.vn



BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ NHÂN LỰC VIỆT NAM**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Xây dựng và Nhân lực Việt Nam, được lập ngày 23 tháng 3 năm 2015, từ trang 07 đến trang 44 bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2014; Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Tập đoàn chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Tập đoàn liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tập đoàn. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

15/03/2015
HÀ
3/4/15
VÀ
C
N
T

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Xây dựng và Nhân lực Việt Nam tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Báo cáo được lập bằng tiếng Việt và tiếng Anh có giá trị như nhau. Bản tiếng Việt là bản gốc khi cần đối chiếu.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C
Chi nhánh Hà Nội



Nguyễn Hoàng Đức - Giám đốc
Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 0368-2013-008-1
Hà Nội, ngày 23 tháng 3 năm 2015

Phạm Quang Huy - Kiểm toán viên
Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 1409-2013-008-1

10/2/2015

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ NHÂN LỰC VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 14 Đặng Thùy Trâm, phường Cổ Nhuế 1, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	
			Số cuối năm	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		203.550.837.254	178.140.447.272
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	55.032.397.239	18.399.828.721
1. Tiền	111		28.306.193.386	18.399.828.721
2. Các khoản tương đương tiền	112		26.726.203.853	-
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		5.888.017.145	2.000.000.000
1. Đầu tư ngắn hạn	121	V.2	5.888.017.145	2.000.000.000
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		69.489.149.429	66.428.539.005
1. Phải thu khách hàng	131	V.3	47.188.303.064	39.656.059.294
2. Trả trước cho người bán	132	V.4	4.005.247.619	2.447.066.152
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Các khoản phải thu khác	135	V.5	30.703.297.638	31.103.778.481
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139	V.6	(12.407.698.892)	(6.778.364.922)
IV. Hàng tồn kho	140		61.978.086.865	78.390.177.860
1. Hàng tồn kho	141	V.7	61.978.086.865	78.390.177.860
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		11.163.186.576	12.921.901.686
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.8	2.954.606.289	3.515.029.146
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		5.115.610.091	2.149.751.902
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		157.472.125	-
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	157		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	158	V.9	2.935.498.071	7.257.120.638

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ NHÂN LỰC VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 14 Đặng Thùy Trâm, phường Cổ Nhuế 1, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		61.869.222.113	50.829.525.193
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		27.050.855.026	17.395.070.231
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211	V.10	27.050.855.026	17.395.070.231
2. Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc	212		-	-
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	-
4. Phải thu dài hạn khác	218		-	-
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		30.235.238.325	31.997.678.530
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.11	18.299.478.184	20.605.714.765
<i>Nguyên giá</i>	222		46.395.285.998	40.358.703.832
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(28.095.807.814)	(19.752.989.067)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
<i>Nguyên giá</i>	225		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.12	195.491.334	5.515.264
<i>Nguyên giá</i>	228		247.455.000	38.000.000
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(51.963.666)	(32.484.736)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.13	11.740.268.807	11.386.448.501
III. Bất động sản đầu tư	240		-	-
<i>Nguyên giá</i>	241		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	242		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		3.528.554.420	-
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		-	-
3. Đầu tư dài hạn khác	258	V.14	3.528.554.420	-
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		-	-
V. Tài sản dài hạn khác	260		1.054.574.342	1.436.776.432
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.15	105.309.852	346.508.670
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Tài sản dài hạn khác	268	V.16	949.264.490	1.090.267.762
VI. Lợi thế thương mại	269		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		265.420.059.367	228.969.972.465

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ NHÂN LỰC VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 14 Đặng Thùy Trâm, phường Cổ Nhuế 1, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - NỢ PHẢI TRẢ	300		155.557.374.996	157.355.055.563
I. Nợ ngắn hạn	310		143.902.558.930	153.023.068.673
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.17	36.122.494.346	42.773.421.956
2. Phải trả người bán	312	V.18	34.300.937.147	34.354.397.714
3. Người mua trả tiền trước	313	V.19	39.012.988.348	30.312.225.828
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.20	9.135.806.777	10.467.595.408
5. Phải trả người lao động	315		8.147.727.541	11.605.174.617
6. Chi phí phải trả	316	V.21	4.270.303.804	14.352.879.217
7. Phải trả nội bộ	317		-	-
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		-	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.22	11.589.049.655	8.071.552.387
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323	V.23	1.323.251.312	1.085.821.546
12. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	327		-	-
II. Nợ dài hạn	330		11.654.816.066	4.331.986.890
1. Phải trả dài hạn người bán	331	V.24	8.402.335.864	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3. Phải trả dài hạn khác	333	V.25	125.121.600	1.448.621.600
4. Vay và nợ dài hạn	334	V.26	2.581.864.970	2.883.365.290
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		-	-
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện	338	V.27	545.493.632	-
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339		-	-
B - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		107.220.304.349	68.973.205.552
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.28	107.220.304.349	68.973.205.552
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		80.000.000.000	50.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
4. Cổ phiếu quỹ	414		-	-
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	-
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		877.646.070	877.646.070
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		2.289.502.607	1.689.928.190
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		24.053.155.672	16.405.631.292
11. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	421		-	-
12. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	432		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	433		-	-
C - LỢI ÍCH CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ	439	V.29	2.642.380.022	2.641.711.350
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		265.420.059.367	228.960.072.465

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ NHÂN LỰC VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 14 Đặng Thùy Trâm, phường Cổ Nhuế 1, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số cuối năm		Số đầu năm	
1. Tài sản thuê ngoài		-	-	-	-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		-	-	-	-
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược		-	-	-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý		-	-	-	-
5. Ngoại tệ các loại:					
Dollar Mỹ (USD)			199.136,32		32.139,77
Lak			2.413.920,00		-
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án		-	-	-	-

Người lập biểu

Ngô Văn Tĩnh

Kế toán trưởng

Đinh Thị Thủy

Lập, ngày 23 tháng 3 năm 2015

Tổng Giám đốc



Kim Ngọc Nhân

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ NHÂN LỰC VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 14 Đặng Thùy Trâm, phường Cổ Nhuế 1, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Năm 2014

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
			Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	390.726.248.063	267.540.978.610
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	21.454.545
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.1	390.726.248.063	267.519.524.065
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	335.085.972.452	213.999.545.024
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		55.640.275.611	53.519.979.041
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	2.557.841.867	406.973.383
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	4.982.265.194	5.425.825.507
Trong đó: chi phí lãi vay	23		4.511.706.730	4.761.165.271
8. Chi phí bán hàng	24	VI.5	8.449.106.163	11.685.149.650
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.6	23.063.281.607	19.816.519.674
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		21.703.464.514	16.999.457.593
11. Thu nhập khác	31	VI.7	19.055.407.453	1.521.346.012
12. Chi phí khác	32	VI.8	18.997.150.467	1.898.979.276
13. Lợi nhuận khác	40		58.256.986	(377.633.264)
14. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên kết, liên doanh	45		-	-
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		21.761.721.500	16.621.824.329
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.20	5.649.757.598	4.630.335.991
17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		<u>16.111.963.902</u>	<u>11.991.488.338</u>
18.1. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số	61		-	-
18.2. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ	62		16.111.963.902	11.991.488.338
19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.9	<u>2.197</u>	<u>2.398</u>

Người lập biểu

Ngô Văn Tĩnh

Kế toán trưởng

Đinh Thị Thủy

Lập ngày 23 tháng 3 năm 2015

Tổng Giám đốc



Kim Ngọc Nhân

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ NHÂN LỰC VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 14 Đặng Thùy Trâm, phường Cổ Nhuế 1, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp gián tiếp)

Năm 2014

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
			Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		21.761.721.500	16.621.824.329
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định	02		8.456.179.116	9.768.765.461
- Các khoản dự phòng	03		5.629.333.970	6.497.014.922
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	VI.4	110.959.836	375.353.282
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(1.993.608.289)	(409.634.138)
- Chi phí lãi vay	06	VI.4	4.511.706.730	4.761.165.271
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		38.476.292.863	37.614.489.127
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(17.916.517.081)	1.163.356.879
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		16.412.090.995	(29.204.468.537)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		10.023.878.078	46.576.880.210
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		801.621.675	(3.062.176.424)
- Tiền lãi vay đã trả	13		(4.496.515.199)	(9.362.083.234)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	V.20	(8.973.869.839)	(7.809.941.380)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		19.469.338.713	5.921.623.984
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16		(20.462.572.208)	(8.954.162.165)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		33.333.747.997	32.883.518.460
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(6.912.866.394)	(9.183.958.429)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		660.909.091	409.090.909
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(9.416.571.565)	(2.000.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		2.236.923.145	-
5. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		1.296.560.448	178.011.700
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(12.135.045.275)	(10.596.855.820)

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ NHÂN LỰC VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 14 Đặng Thùy Trâm, phường Cổ Nhuế 1, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã Thuyết		Năm nay	Năm trước
	số	minh		
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	31	V.28	30.000.000.000	-
2. Tiền chi trả góp vốn cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		151.766.723.372	98.281.111.855
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(158.807.828.936)	(129.776.605.397)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	V.28	(7.529.013.000)	(9.970.987.000)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	<i>40</i>		<i>15.429.881.436</i>	<i>(41.466.480.542)</i>
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		36.628.584.158	(19.179.817.902)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	18.399.828.721	37.579.415.268
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		3.984.360	231.355
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	V.1	55.032.397.239	18.399.828.721

Người lập biểu



Ngô Văn Tinh

Kế toán trưởng



Đinh Thị Thủy

Lập, ngày 23 tháng 3 năm 2015



Kim Ngọc Nhân

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ NHÂN LỰC VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 14 Đặng Thùy Trâm, phường Cổ Nhuế 1, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT Năm 2014

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Xây dựng và Nhân lực Việt Nam cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 bao gồm Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Xây dựng và Nhân lực Việt Nam (công ty mẹ) và các công ty con (gọi chung là Tập đoàn).

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA TẬP ĐOÀN

- Hình thức sở hữu vốn của công ty mẹ** : Công ty cổ phần
- Lĩnh vực kinh doanh** : Dịch vụ, thương mại, xây dựng.
- Ngành nghề kinh doanh** : Xây dựng và cung ứng nhân lực.
- Tổng số các công ty con** : 03
Trong đó:
Số lượng các công ty con được hợp nhất: 03
Số lượng các công ty con không được hợp nhất: 0

5. Danh sách các công ty con quan trọng được hợp nhất

<i>Tên công ty</i>	<i>Địa chỉ trụ sở chính</i>	<i>Tỷ lệ lợi ích</i>	<i>Tỷ lệ quyền biểu quyết</i>
Công ty Cổ phần CM Đầu tư và Thương mại	Số 14, Phố Đặng Thùy Trâm, Phường Cổ Nhuế 1, Quận Bắc Từ Liêm, Hà Nội	100%	100%
Công ty TNHH CM Xây dựng	Số 14, Phố Đặng Thùy Trâm, Phường Cổ Nhuế 1, Quận Bắc Từ Liêm, Hà Nội	100%	100%
Công ty Cổ phần CM Thành Đông	Phố Cộng Hòa, thị trấn Kinh Môn, huyện Kinh Môn, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương.	78,44%	78,44%

6. Nhân viên

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 Tập đoàn có 163 nhân viên đang làm việc (tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 là 295 nhân viên).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Tập đoàn bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng để lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND).

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ NHÂN LỰC VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 14 Đặng Thùy Trâm, phường Cổ Nhuế 1, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập theo hướng dẫn của các chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Xây dựng và Nhân lực Việt Nam đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Ngày 22 tháng 12 năm 2014 Bộ Tài chính đã ban hành các thông tư sau:

- Thông tư số 200/2014/TT-BTC về hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp thay thế Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 244/209/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính.
- Thông tư số 202/2014/TT-BTC về hướng dẫn lập Báo cáo tài chính hợp nhất thay thế cho các hướng dẫn liên quan đến lập Báo cáo tài chính hợp nhất tại Thông tư số 161/2007/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2007 của Bộ Tài chính.

Các quy định của các thông tư này được áp dụng cho việc ghi sổ, lập và trình bày Báo cáo tài chính từ năm 2015 trở đi.

3. Hình thức kế toán áp dụng

Tập đoàn sử dụng hình thức kế toán trên máy vi tính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Xây dựng và Nhân lực Việt Nam (công ty mẹ) và các công ty con. Công ty con là đơn vị chịu sự kiểm soát của công ty mẹ. Sự kiểm soát tồn tại khi công ty mẹ có khả năng trực tiếp hay gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của công ty con để thu được các lợi ích kinh tế từ các hoạt động này. Khi đánh giá quyền kiểm soát có tính đến quyền biểu quyết tiềm năng hiện đang có hiệu lực hay sẽ được chuyển đổi.

Trong trường hợp chính sách kế toán của công ty con khác với chính sách kế toán của áp dụng thống nhất trong Tập đoàn thì Báo cáo tài chính của công ty con sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Số dư các tài khoản trên Bảng cân đối kế toán giữa các công ty trong cùng Tập đoàn, các giao dịch nội bộ, các khoản lãi nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này được loại trừ khi lập Báo

10/23/2014

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ NHÂN LỰC VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 14 Đặng Thùy Trâm, phường Cổ Nhuế 1, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

cáo tài chính hợp nhất. Các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ cũng được loại bỏ trừ khi chi phí tạo nên khoản lỗ đó không thể thu hồi được.

Lợi ích của cổ đông thiểu số thể hiện phần lợi nhuận và tài sản thuần của công ty con không nằm giữ bởi các cổ đông của công ty mẹ và được trình bày ở mục riêng trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và Bảng cân đối kế toán hợp nhất. Lợi ích của cổ đông thiểu số bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông thiểu số trong biến động của vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ tương ứng với phần vốn của cổ đông thiểu số vượt quá phần vốn của họ trong vốn chủ sở hữu của công ty con được tính giảm vào phần lợi ích của Tập đoàn trừ khi cổ đông thiểu số có nghĩa vụ ràng buộc và có khả năng bù đắp khoản lỗ đó.

3. Hợp nhất kinh doanh

Việc hợp nhất kinh doanh được kế toán theo phương pháp mua. Giá phí hợp nhất kinh doanh bao gồm giá trị hợp lý tại ngày diễn ra trao đổi của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận và các công cụ vốn do Tập đoàn phát hành để đổi lấy quyền kiểm soát bên bị mua cộng với các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh. Tài sản đã mua, nợ phải trả có thể xác định được và những khoản nợ tiềm tàng phải gánh chịu trong hợp nhất kinh doanh được ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày hợp nhất kinh doanh.

Chênh lệch giữa giá phí hợp nhất kinh doanh với phần sở hữu của bên mua Tập đoàn trong giá trị hợp lý thuần của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận của bên bị mua tại ngày mua được ghi nhận là lợi thế thương mại. Nếu giá phí hợp nhất kinh doanh thấp hơn giá trị hợp lý thuần của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận của bên bị mua, phần chênh lệch được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ phát sinh nghiệp vụ mua.

4. Tiền và tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

5. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận khi giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

6. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ NHÂN LỰC VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 14 Đặng Thùy Trâm, phường Cổ Nhuế 1, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

7. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận ngay vào chi phí.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Máy móc và thiết bị	4 - 6
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	-6 - 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3
Tài sản cố định khác	3

8. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Tài sản cố định vô hình của Tập đoàn là Phần mềm máy tính: Giá mua của phần mềm máy tính mà không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 04 năm.

9. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp đến việc xây dựng nhà xưởng và lắp đặt máy móc, thiết bị chưa hoàn thành và chưa lắp đặt xong. Các tài sản đang trong quá trình xây dựng cơ bản dở dang và lắp đặt không được tính khấu hao.

10. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa.

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ NHÂN LỰC VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 14 Đặng Thùy Trâm, phường Cổ Nhuế 1, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

11. Đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào chứng khoán, công ty con, công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được ghi nhận theo giá gốc. Tiền lãi, cổ tức, lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu.

Dự phòng giảm giá chứng khoán được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá thị trường thấp hơn giá trị đang hạch toán trên sổ sách. Giá thị trường làm căn cứ xem xét trích lập dự phòng được xác định như sau:

- Đối với chứng khoán đã niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) là giá giao dịch bình quân tại ngày trích lập dự phòng.
- Đối với chứng khoán đã niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán TP. Hồ Chí Minh (HOSE) là giá đóng cửa tại ngày trích lập dự phòng.
- Đối với chứng khoán đã đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCom) là giá giao dịch bình quân trên hệ thống tại ngày trích lập dự phòng.
- Đối với chứng khoán chưa đăng ký giao dịch ở thị trường giao dịch của các công ty đại chúng là giá trung bình trên cơ sở giá giao dịch do tối thiểu của 3 công ty chứng khoán công bố tại ngày lập dự phòng.
- Đối với chứng khoán niêm yết bị hủy giao dịch, ngừng giao dịch kể từ ngày giao dịch thứ sáu trở đi là giá trị sổ sách tại ngày lập Bảng cân đối kế toán gần nhất.

12. Chi phí trả trước dài hạn

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 2 năm.

13. Chi phí phải trả,

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng.

14. Nguồn vốn kinh doanh - quỹ

Nguồn vốn kinh doanh của Tập đoàn là vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông công ty mẹ.

Các quỹ được trích lập và sử dụng theo Điều lệ của các công ty trong Tập đoàn.

15. Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được công bố.

16. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm là chi phí thuế thu nhập hiện hành, là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

17. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được qui đổi theo tỷ giá tại ngày kết thúc năm tài chính.

VỚI MỤC ĐÍCH

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ NHÂN LỰC VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 14 Đặng Thùy Trâm, phường Cổ Nhuế 1, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn có giao dịch phát sinh. Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm là tỷ giá mua vào của ngân hàng thương mại hoặc tỷ giá mua vào bình quân của các ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn mở tài khoản công bố tại ngày kết thúc năm tài chính.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi tại thời điểm ngày:	31/12/2014	: 21.398	VND/USD
		2,66	VND/LAK
	31/12/2013	: 21.079	VND/USD
		2,80	VND/LAK

18. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán hàng hóa

Doanh thu bán hàng hóa được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu cũng như quyền quản lý hàng hóa đó được chuyển giao cho người mua, và không còn tồn tại yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền, chi phí kèm theo hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi không còn những yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền hoặc chi phí kèm theo. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì doanh thu được ghi nhận căn cứ vào tỷ lệ dịch vụ hoàn thành tại ngày kết thúc năm tài chính.

Doanh thu xây dựng

Khi kết quả thực hiện hợp đồng được ước tính một cách đáng tin cậy; đối với các hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận và được phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Các khoản tăng, giảm khối lượng xây lắp, các khoản thu bồi thường và các khoản thu khác chỉ được ghi nhận doanh thu khi đã được thống nhất với khách hàng.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

19. Tài sản tài chính

Phân loại tài sản tài chính

Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Các tài sản tài chính của Tập đoàn gồm các nhóm: các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, các khoản cho vay và phải thu, tài sản tài chính sẵn sàng để bán.

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ NHÂN LỰC VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 14 Đặng Thùy Trâm, phường Cổ Nhuế 1, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Tập đoàn có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn.

Các khoản cho vay và phải thu

Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường.

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là các tài sản tài chính ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn hoặc các khoản cho vay và phải thu.

Giá trị ghi sổ ban đầu của tài sản tài chính

Các tài sản tài chính được ghi nhận tại ngày mua và dừng ghi nhận tại ngày bán. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

20. Nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu

Các công cụ tài chính được phân loại là nợ phải trả tài chính hoặc công cụ vốn chủ sở hữu tại thời điểm ghi nhận ban đầu phù hợp với bản chất và định nghĩa của nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu.

Nợ phải trả tài chính

Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Nợ phải trả tài chính của Tập đoàn gồm các khoản phải trả người bán, vay và nợ, các khoản phải trả khác.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được ghi nhận ban đầu theo giá gốc cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến nợ phải trả tài chính đó.

Công cụ vốn chủ sở hữu

Công cụ vốn chủ sở hữu là hợp đồng chứng tỏ được những lợi ích còn lại về tài sản của Tập đoàn sau khi trừ đi toàn bộ nghĩa vụ.

21. Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Tập đoàn:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

22. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ NHÂN LỰC VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 14 Đặng Thùy Trâm, phường Cổ Nhuế 1, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

23. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Giao dịch với các bên có liên quan trong năm được trình bày ở thuyết minh số VIII.1.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	2.560.501.731	876.447.765
Tiền gửi ngân hàng	19.330.170.285	17.523.380.956
Tiền đang chuyển	6.415.521.370	-
Các khoản tương đương tiền	26.726.203.853	-
- Tiền gửi có kỳ hạn từ 3 tháng trở xuống	26.726.203.853	-
Cộng	<u>55.032.397.239</u>	<u>18.399.828.721</u>

2. Đầu tư ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Số lượng</u>	<u>Giá trị</u>	<u>Số lượng</u>	<u>Giá trị</u>
Cổ phiếu đầu tư ngắn hạn		236.923.145		-
Công ty Cổ phần CMISTONE Việt Nam	2.103.000	236.923.145		-
Đầu tư ngắn hạn khác		5.651.094.000		2.000.000.000
Tiền gửi có kỳ hạn từ 1 năm trở xuống		2.755.350.000		500.000.000
Cho Bà Đinh Thị Thùy vay với lãi suất 6%/năm		2.895.744.000		-
Cho ông Nguyễn Văn Phi vay		-		1.500.000.000
Cộng		<u>5.888.017.145</u>		<u>2.000.000.000</u>

3. Phải thu khách hàng

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải thu khách hàng tại:</i>		
Công ty Cổ phần Xây dựng và Nhân lực Việt Nam	41.344.000.902	38.273.318.837
Công ty Cổ phần CM Đầu tư và Thương mại	5.844.302.162	1.382.740.457
Cộng	<u>47.188.303.064</u>	<u>39.656.059.294</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ NHÂN LỰC VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 14 Đặng Thùy Trâm, phường Cổ Nhuế 1, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

4. Trả trước cho người bán

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Trả trước người bán tại:</i>		
Công ty Cổ phần Xây dựng và Nhân lực Việt Nam	2.887.592.320	1.651.463.652
Công ty Cổ phần CM Đầu tư và Thương mại	1.067.655.299	312.137.634
Công ty Cổ phần CM Thành Đông	50.000.000	483.464.866
Cộng	4.005.247.619	2.447.066.152

5. Các khoản phải thu khác

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty Cổ phần Cavico Điện Lực và Tài Nguyên	21.540.049.741	21.540.049.741
Công ty TNHH Cavico Việt Nam	3.496.016.333	3.838.289.539
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Vĩnh Hào	-	1.504.000.000
Ông Lăng Việt Hùng	-	76.560.655
Ông Trần Văn Trung	2.229.788.577	-
Ông Nguyễn Văn Hiếu	811.224.691	-
Phải thu ông Trần Đức Huỳnh	939.912.575	-
Các khoản vay không tính lãi	583.422.434	-
Phải thu về lãi tiền gửi	255.266.233	-
Doanh thu chưa xuất hóa đơn	-	1.722.418.470
Phải thu khác	847.617.054	2.422.460.076
Cộng	30.703.297.638	31.103.778.481

6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

Tình hình biến động dự phòng phải thu khó đòi như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Số đầu năm	6.778.364.922	281.350.000
Trích lập dự phòng bổ sung	5.749.333.970	6.497.014.922
Hoàn nhập dự phòng	(120.000.000)	-
Số cuối năm	12.407.698.892	6.778.364.922

7. Hàng tồn kho

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Hàng mua đang đi trên đường	-	141.821.906
Nguyên liệu, vật liệu	7.247.839.529	4.988.542.306
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	54.553.881.488	73.239.298.649
Hàng hóa	176.365.848	20.514.999
Cộng	61.978.086.865	78.390.177.860

8. Chi phí trả trước ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí công cụ dụng cụ	2.647.179.840	1.631.248.534
Chi phí thuê văn phòng	-	109.618.835
Phí bảo lãnh	13.611.113	218.517.286
Chi phí sửa chữa	32.129.999	204.872.584
Chi phí bảo hiểm	24.058.864	202.054.598

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ NHÂN LỰC VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 14 Đặng Thùy Trâm, phường Cổ Nhuế 1, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí vận chuyển, lắp đặt	-	179.769.097
Chi phí dịch vụ xuất - nhập cảnh	-	454.496.211
Chi phí khác	237.626.473	514.452.001
Cộng	<u>2.954.606.289</u>	<u>3.515.029.146</u>
9. Tài sản ngắn hạn khác		
	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tạm ứng	1.776.413.433	5.224.808.641
Các khoản cầm cố, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	1.159.084.638	1.946.507.871
Tài sản thiếu chờ xử lý	-	85.804.126
Cộng	<u>2.935.498.071</u>	<u>7.257.120.638</u>
10. Phải thu dài hạn của khách hàng		
	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty Cổ phần Thủy Điện Sông Bạc	15.912.736.234	15.912.736.234
Công ty Cổ phần Than điện Nông Sơn Vinacomin	1.164.056.712	-
Ban quản lý Đầu tư và Xây dựng Thủy lợi 1	2.691.000.000	-
Ban quản lý Đầu tư và Xây dựng Thủy lợi 4	3.987.356.000	-
SK Engineering and Construction Co.,Ltd	1.813.372.083	-
Công ty Cổ phần Cavico Xây dựng Cầu hầm	1.482.333.997	1.482.333.997
Cộng	<u>27.050.855.026</u>	<u>17.395.070.231</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ NHÂN LỰC VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 14, phố Đặng Thùy Trâm, Cồ Nhué, Từ Liêm, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

11. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
Nguyên giá					
Số đầu năm	27.236.213.842	11.528.954.782	288.598.226	1.304.936.982	40.358.703.832
Tăng do mua sắm mới trong năm	5.915.339.504	687.386.303	123.310.622	-	6.726.036.429
Giảm trong năm	-	(433.008.934)	-	(256.445.329)	(689.454.263)
<i>Thanh lý, nhượng bán</i>	-	(433.008.934)	-	-	(433.008.934)
<i>Chuyển sang CCDC</i>	-	-	-	(256.445.329)	(256.445.329)
Số cuối năm	33.151.553.346	11.783.332.151	411.908.848	1.048.491.653	46.395.285.998
<i>Trong đó:</i>					
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	4.627.562.131	1.474.396.875	228.598.226	-	6.330.557.232
Giá trị hao mòn					
Số đầu năm	13.809.160.937	4.834.087.049	267.967.573	841.773.508	19.752.989.067
Tăng do khấu hao	6.094.618.060	2.055.971.279	79.392.702	206.718.145	8.436.700.186
Giảm do thanh lý nhượng bán trong năm	-	(93.881.439)	-	-	(93.881.439)
Số cuối năm	19.903.778.997	6.796.176.889	347.360.275	1.048.491.653	28.095.807.814
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	13.427.052.905	6.694.867.733	20.630.653	463.163.474	20.605.714.765
Số cuối kỳ	13.247.774.349	4.987.155.262	64.548.573	-	18.299.478.184
<i>Trong đó:</i>					
Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-	-	-

Một số tài sản cố định hữu hình có nguyên giá và giá trị còn lại theo sổ sách lần lượt là 17.233.230.208 VND và 9.593.380.368 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn - Chi nhánh Hoàng Quốc Việt, khoản vay tại Ngân hàng Liên Việt, khoản vay tại Ngân hàng TMCP Liên Việt.

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ NHÂN LỰC VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 14, phố Đặng Thùy Trâm, Cổ Nhuế, Từ Liêm, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**12. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình**

	<u>Phần mềm máy vi tính</u>	<u>Nhận diện thương hiệu</u>	<u>Cộng</u>
Nguyên giá			
Số đầu năm	38.000.000	-	38.000.000
Tăng do mua sắm trong năm	-	209.455.000	209.455.000
Giảm trong năm	-	-	-
Số cuối năm	38.000.000	209.455.000	247.455.000
<i>Trong đó:</i>			
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	38.000.000	-	38.000.000
Giá trị hao mòn			
Số đầu năm	32.484.736	-	32.484.736
Tăng do khấu hao trong năm	5.515.264	13.963.666	19.478.930
Giảm trong năm	-	-	-
Số cuối năm	38.000.000	13.963.666	51.963.666
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	5.515.264	-	5.515.264
Số cuối năm	-	195.491.334	195.491.334
<i>Trong đó:</i>			
Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-

13. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Chi phí phát sinh trong năm</u>	<u>Kết chuyển vào TSCĐ trong năm</u>	<u>Kết chuyển giảm khác</u>	<u>Số cuối năm</u>
<i>Mua sắm TSCĐ</i>	<i>220.455.000</i>	-	<i>(209.455.000)</i>	<i>(11.000.000)</i>	-
- Thiết kế website	11.000.000	-	-	(11.000.000)	-
- Chi phí xây dựng thương hiệu	209.455.000	-	(209.455.000)	-	-
<i>XDCB dở dang</i>	<i>11.165.993.501</i>	<i>726.266.922</i>	-	<i>(151.991.616)</i>	<i>11.740.268.807</i>
- Dự án trung tâm thương mại văn hóa Kiến Thụy-Hải Phòng	151.991.616	-	-	(151.991.616)	-
- Công trình Trung tâm thương mại Kinh Môn	11.014.001.885	726.266.922	-	-	11.740.268.807
Cộng	11.386.448.501	726.266.922	(209.455.000)	(162.991.616)	11.740.268.807

0
 N
 T
 H
 C
 N
 TP

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ NHÂN LỰC VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 14 Đặng Thùy Trâm, phường Cổ Nhuế 1, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**14. Đầu tư dài hạn khác**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền gửi có kỳ hạn 2 năm	1.685.702.876	-
Tiền gửi có kỳ hạn 3 năm	1.842.851.544	-
Cộng	3.528.554.420	-

15. Chi phí trả trước dài hạn

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Chi phí phát sinh trong năm</u>	<u>Phân bổ vào chi phí trong năm</u>	<u>Giảm do thanh lý, nhượng bán</u>	<u>Số cuối năm</u>
Chi phí công cụ dụng cụ	67.113.728	-	(46.211.566)	(8.723.958)	12.178.204
Chi phí bảo lãnh thực hiện hợp đồng	279.394.942	-	(186.263.294)	-	93.131.648
Cộng	346.508.670	-	(232.474.860)	(8.723.958)	105.309.852

16. Tài sản dài hạn khác

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Bảo lãnh thực hiện hợp đồng	733.764.490	876.267.762
Đặt cọc thuê nhà dài hạn	212.000.000	212.000.000
Các khoản ký quỹ, ký cược dài hạn khác	3.500.000	2.000.000
Cộng	949.264.490	1.090.267.762

17. Vay và nợ ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Vay ngắn hạn ngân hàng	32.120.994.026	36.247.196.492
- Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn - Chi nhánh Hoàng Quốc Việt	23.120.994.026	24.964.887.492
- Ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt - Chi nhánh Hà Nội	9.000.000.000	-
- Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn - Chi nhánh Tây Hồ	-	11.282.309.000
Vay ngắn hạn các tổ chức và cá nhân khác	700.000.000	4.200.000.000
- Vay Bà Phạm Thị Hiếu	-	1.400.000.000
- Vay Ông Nguyễn Hữu Mạnh	700.000.000	1.200.000.000
- Vay Bà Phạm Minh Hậu	-	1.600.000.000
Vay dài hạn đến hạn trả	3.301.500.320	2.326.225.464
- Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn - Chi nhánh Hoàng Quốc Việt	448.484.848	448.484.848
- Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn - Chi nhánh Long Biên	1.074.183.472	1.432.240.616
- Ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt - Chi nhánh Hà Nội	1.778.832.000	445.500.000
Cộng	36.122.494.346	42.773.421.956

10/7/2015
J.H.
J.V.
T.H.

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ NHÂN LỰC VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 14 Đặng Thùy Trâm, phường Cổ Nhuế 1, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)*Chi tiết số phát sinh về các khoản vay trong năm như sau:*

	Số đầu năm	Số tiền vay phát sinh trong năm	Số kết chuyển	Tăng do chênh lệch tỷ giá đánh giá lại cuối năm	Số tiền vay đã trả trong năm	Số cuối năm
Vay ngắn hạn ngân hàng	36.247.196.492	117.114.407.372	-	88.677.634	(121.329.287.472)	32.120.994.026
Vay ngắn hạn các tổ chức và cá nhân khác	4.200.000.000	31.652.316.000	-	-	(35.152.316.000)	700.000.000
Vay dài hạn đến hạn trả	2.326.225.464	-	3.301.500.320	-	(2.326.225.464)	3.301.500.320
Cộng	42.773.421.956	148.766.723.372	3.301.500.320	88.677.634	(158.807.828.936)	36.122.494.346

18. Phải trả cho người bán

	Số cuối năm	Số đầu năm
<i>Phải trả người bán tại:</i>		
Công ty Cổ phần Xây dựng và Nhân lực Việt Nam	28.002.680.023	26.834.758.474
Công ty Cổ phần CM Đầu tư và Thương mại	5.504.506.824	6.481.932.596
Công ty TNHH CM Xây dựng	652.997.000	820.400.074
Công ty Cổ phần CM Thành Đông	140.753.300	217.306.570
Cộng	34.300.937.147	34.354.397.714

19. Người mua trả tiền trước

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty TNHH Một thành viên 185	-	122.000.000
Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Bạc	1.942.830.855	1.742.830.855
Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam	11.424.285.000	-
Công ty Xây lắp Môi trường Nhân Cơ Vinacomin	9.598.635.282	9.994.457.599
Công ty TNHH Một thành viên Than Khe Chàm - Vinacomin	-	9.002.937.374
Ban Quản lý Đầu tư và Xây dựng thủy lợi 4	-	4.800.000.000
SK Engineering and Construction Co.,Ltd	13.146.677.108	-
Ban quản lý dự án bồi thường, hỗ trợ tái định cư và xây dựng hệ thống kênh mương công trình thủy lợi Ngàn Trươi - Cẩm Trang	2.900.000.000	4.650.000.000
Đối tượng khác	560.103	-
Cộng	39.012.988.348	30.312.225.828

20. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	Số cuối năm
Thuế GTGT hàng bán nội địa	1.122.976.463	3.929.960.489	(1.923.214.581)	3.129.722.371
Thuế thu nhập doanh nghiệp cho hoạt động sản xuất kinh doanh ở trong nước	7.076.004.541	4.019.393.506	(8.682.359.845)	2.075.354.289

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ NHÂN LỰC VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 14 Đặng Thùy Trâm, phường Cổ Nhuế 1, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	Số đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	Số cuối năm
Thuế thu nhập doanh nghiệp cho hoạt động sản xuất kinh doanh ở nước ngoài	-	1.630.364.092	(291.509.994)	1.338.854.098
Thuế thu nhập cá nhân	2.135.588.189	648.643.830	(542.776.417)	2.241.455.602
Các loại thuế khác	133.026.215	6.000.000	(6.000.000)	133.026.215
Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	59.921.977	-	59.921.977
Cộng	10.467.595.408	10.294.283.894	(11.445.860.837)	8.978.334.652

Thuế nộp thừa được trình bày ở chỉ tiêu Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước, là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp nộp thừa.

Thuế giá trị gia tăng

Tập đoàn nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ.

Thuế suất thuế giá trị gia tăng như sau:

Dịch vụ xây dựng	10%
Bán hàng hóa	10%
Cung ứng nhân lực ra nước ngoài	0%

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Tập đoàn phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 22%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được dự tính như sau:

	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	21.761.721.500	16.621.824.329
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:	2.296.642.987	1.899.519.632
- Các khoản điều chỉnh tăng	2.694.987.012	1.899.519.632
Chi phí khấu hao tương ứng với phần nguyên giá xe ô tô vượt trên 1,6 tỷ VND	506.705.280	456.557.912
Phạt chậm nộp tiền thuế	193.577.388	476.108.868
Phạt chậm nộp BHXH	305.967.088	
Chi phí không phục vụ sản xuất kinh doanh	24.895.174	98.995.383
Chi phí khấu hao TSCĐ không sử dụng cho hoạt động sản xuất kinh doanh	932.608.885	188.712.084
Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm 2013	-	375.353.282
Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm 2014	110.959.836	-
Chi phí có hóa đơn chứng từ không hợp lệ	3.853.000	119.676.406
Xử lý công nợ nhỏ lẻ	-	344.275
Chi phí xử lý tài sản thiếu	85.804.126	
Thuế TNDN đã nộp ở nước ngoài không được giảm trừ	530.616.235	183.771.423
- Các khoản điều chỉnh giảm	(398.344.025)	-
Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các	(375.344.025)	

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ NHÂN LỰC VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 14 Đặng Thùy Trâm, phường Cổ Nhuế 1, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
<i>khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm 2013</i>		
Lợi nhuận, cổ tức được chia	(23.000.000)	-
Thu nhập tính thuế	24.058.364.487	18.521.343.961
Trong đó:		
Thu nhập từ hoạt động ở nước ngoài	7.410.745.874	3.171.873.220
Thu nhập từ hoạt động ở trong nước	16.647.618.613	15.349.470.741
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	22%	25%
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp theo thuế suất phổ thông	5.292.840.187	4.630.335.990
Trong đó:		
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp theo thuế suất phổ thông cho hoạt động ở nước ngoài	1.630.364.092	792.968.305
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp theo thuế suất phổ thông cho hoạt động ở trong nước	3.662.476.095	3.837.367.685
Điều chỉnh thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của các năm trước không được giảm	356.917.411	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	5.649.757.598	4.630.335.990

Các loại thuế khác

Các loại thuế khác được kê khai và nộp theo qui định.

21. Chi phí phải trả

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải trả về sản lượng xây lắp hoàn thành	1.439.035.866	10.192.589.144
Chi phí lãi vay phải trả	245.798.447	230.606.916
Phí quản lý dự án	80.000.000	2.608.729.266
Chi phí vận chuyển	2.505.469.491	132.705.851
Chi phí phải trả khác	-	1.188.248.040
Cộng	4.270.303.804	14.352.879.217

22. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tài sản thừa chờ giải quyết	1.100.000	1.100.000
BHXH, BHYT, BHTN	1.848.433.690	1.404.937.052
Kinh phí công đoàn	390.810.786	475.681.468
Vay ngắn hạn cá nhân không tính lãi	530.395.361	722.842.448
Phải trả tiền vật tư nhập kho chưa xuất hóa đơn	698.976.245	771.386.245
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	479.900.000	1.075.660.000
Công Cổ phần Công nghiệp xây dựng Toàn phát	1.120.314.660	767.163.000
Công ty TNHH Hòa Hiệp	-	270.000.000
Công ty Cổ Phần Thủy Điện Sông Bạc	217.085.878	184.577.078
Công ty TNHH Kinh doanh tổng hợp Huy Hùng	5.111.827.647	-
Dự án Bản Mòng Sơn La	-	105.226.451
Cổ tức phải trả	-	29.013.000
Phải trả khác	1.190.205.388	2.263.965.645
Cộng	11.589.049.655	8.071.552.387

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ NHÂN LỰC VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 14 Đặng Thùy Trâm, phường Cổ Nhuế 1, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

23. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	Số đầu năm	Tăng do trích lập từ lợi nhuận	Chi quỹ trong năm	Số cuối năm
Quỹ khen thưởng	740.095.637	119.914.883	-	860.010.520
Quỹ phúc lợi	345.725.909	119.914.883	(2.400.000)	463.240.792
Cộng	1.085.821.546	239.829.766	(2.400.000)	1.323.251.312

24. Phải trả dài hạn người bán

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty Cổ phần Sông Đà 505	2.979.182.278	-
Công ty TNHH Hòa Hiệp	2.401.825.000	-
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Vĩnh Hào	1.971.479.433	-
Các đối tượng khác	1.049.849.153	-
Cộng	8.402.335.864	-

25. Phải trả dài hạn khác

Là các khoản nhận ký quỹ của lao động tại các dự án tại nước ngoài.

26. Vay và nợ dài hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn - Chi nhánh Hoàng Quốc Việt ⁽ⁱ⁾	469.696.970	918.181.818
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn - Chi nhánh Long Biên ⁽ⁱⁱ⁾	-	1.074.183.472
Ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt - Chi nhánh Hà Nội ⁽ⁱⁱⁱ⁾	2.112.168.000	891.000.000
Cộng	2.581.864.970	2.883.365.290

(i) Khoản vay Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn - Chi nhánh Hoàng Quốc Việt để mua trạm trộn bê tông và máy cày quy 50 với lãi suất 12%/năm, thời hạn vay 60 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Số tiền vay được hoàn trả hàng quý. Khoản vay này được đảm bảo bằng tài sản hình thành từ vốn vay.

(ii) Khoản vay Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn - Chi nhánh Long Biên để đầu tư máy móc thiết bị phục vụ thi công xây dựng với lãi suất thay đổi theo thị trường tại từng thời điểm, thời hạn vay 42 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Số tiền vay được hoàn trả hàng quý. Khoản vay này được đảm bảo bằng tài sản hình thành từ vốn vay.

(iii) Khoản vay Ngân hàng TMCP Liên Việt để mua xe ô tô con nhãn hiệu Toyota Landcruiser Prado TX-L với lãi suất 14%/năm, thời hạn vay 36 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Số tiền vay được hoàn trả hàng quý, thanh toán lần đầu vào ngày 05 tháng 02 năm 2014. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp xe ô tô nhãn hiệu Toyota Landcruiser Prado TX-L.

Kỳ hạn thanh toán vay và nợ dài hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Từ 1 năm trở xuống	3.301.500.320	2.326.225.464
Trên 1 năm đến 5 năm	2.581.864.970	2.883.365.290
Trên 5 năm	-	-
Tổng nợ	5.883.365.290	5.209.590.754

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ NHÂN LỰC VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 14 Đặng Thùy Trâm, phường Cổ Nhuế 1, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay và nợ dài hạn trong năm như sau

	Số đầu năm	Số tiền vay phát sinh trong năm	Số tiền vay đã trả trong năm	Số kết chuyển	Số cuối năm
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn - Chi nhánh Hoàng Quốc Việt	918.181.818	-	-	-	918.181.818
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn - Chi nhánh Long Biên	1.074.183.472	-	-	-	1.074.183.472
Ngân hàng TMCP Liên Việt - Chi nhánh Hà Nội	891.000.000	3.000.000.000	-	(3.301.500.320)	589.499.680
Cộng	2.883.365.290	3.000.000.000	-	(3.301.500.320)	2.581.864.970

27. Doanh thu chưa thực hiện

	Số cuối năm	Số đầu năm
Doanh thu cho thuê nhà	36.818.182	-
Doanh thu bán hàng hóa đã xuất hóa đơn nhưng chưa bàn giao hàng	508.675.450	-
Cộng	545.493.632	-

28. Vốn chủ sở hữu*Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu*

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	50.000.000.000	877.646.070	844.256.827	16.234.848.272	67.956.751.169
Lợi nhuận trong năm trước	-	-	-	11.991.488.338	11.991.488.338
Trích lập các quỹ trong năm trước	-	-	845.671.363	(1.691.342.726)	(845.671.363)
Chia cổ tức năm 2012	-	-	-	(10.000.000.000)	(10.000.000.000)
Giảm do thay đổi tỷ lệ vốn góp	-	-	-	(6.754.546)	(6.754.546)
Tăng khác	-	-	-	3.391.954	3.391.954
Phụ cấp HĐQT	-	-	-	(126.000.000)	(126.000.000)
Số dư cuối năm trước	50.000.000.000	877.646.070	1.689.928.190	16.405.631.292	68.973.205.552
Số dư đầu năm nay	50.000.000.000	877.646.070	1.689.928.190	16.405.631.292	68.973.205.552
Góp vốn bằng tiền	30.000.000.000	-	-	-	30.000.000.000
Lợi nhuận trong năm nay	-	-	-	16.111.963.902	16.111.963.902
Trích lập các quỹ trong năm nay	-	-	599.574.417	(839.404.183)	(239.829.766)
Điều chỉnh lợi ích cổ đồng thiểu số do thay đổi tỷ lệ sở hữu	-	-	-	(668.672)	(668.672)
Chia cổ tức năm 2013	-	-	-	(7.500.000.000)	(7.500.000.000)
Phụ cấp HĐQT	-	-	-	(124.366.667)	(124.366.667)
Số dư cuối năm	80.000.000.000	877.646.070	2.289.502.607	24.053.155.672	107.220.304.349

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ NHÂN LỰC VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 14 Đặng Thùy Trâm, phường Cổ Nhuế 1, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Vốn góp của các cổ đông	80.000.000.000	50.000.000.000

Cổ tức

Cổ tức đã chi trả như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Trả cổ tức năm trước	7.529.013.000	9.970.987.000

Cổ phiếu

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	8.000.000	5.000.000
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	8.000.000	5.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	8.000.000	5.000.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	8.000.000	5.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	8.000.000	5.000.000

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

29. Lợi ích của cổ đông thiểu số

Lợi ích của cổ đông thiểu số thể hiện phần quyền lợi của các cổ đông thiểu số trong giá trị tài sản thuần của các công ty con. Tình hình biến động lợi ích của cổ đông thiểu số như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Số đầu năm	2.641.711.350	2.634.956.804
Tăng do cổ đông thiểu số góp vốn	-	-
Tăng do thay đổi tỷ lệ góp vốn	-	-
Giảm do thay đổi tỷ lệ vốn góp	668.672	(6.754.546)
Số cuối năm	2.642.380.022	2.641.711.350

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

1. Doanh thu

Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tổng doanh thu	390.726.248.063	267.540.978.610
- Doanh thu bán hàng hóa	54.668.893.006	108.848.082.659
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	1.654.837.618	2.548.488.592
- Doanh thu hoạt động xây dựng	334.402.517.439	156.144.407.359
Các khoản giảm trừ doanh thu:	-	(21.454.545)
- Giảm giá hàng bán	-	(21.454.545)
Doanh thu thuần	390.726.248.063	267.519.524.065

Trong đó:

- Doanh thu thuần bán hàng hóa	54.668.893.006	108.826.628.114
- Doanh thu thuần cung cấp dịch vụ	1.654.837.618	2.548.488.592
- Doanh thu thuần hoạt động xây dựng	334.402.517.439	156.144.407.359

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ NHÂN LỰC VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 14 Đặng Thùy Trâm, phường Cổ Nhuế 1, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

2. Giá vốn hàng bán

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Giá vốn của hàng hóa đã cung cấp	42.438.487.620	89.213.026.823
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	1.009.539.412	3.806.074.368
Giá vốn của hợp đồng xây dựng	291.637.945.420	120.980.443.833
Cộng	<u>335.085.972.452</u>	<u>213.999.545.024</u>

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lãi tiền gửi có kỳ hạn, tiền cho vay	1.528.826.681	178.011.700
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	121.090.517	101.240.240
Cổ tức, lợi nhuận được chia	23.000.000	-
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	765.987.963	70.116.442
Lãi bán hàng trả chậm	93.245.101	57.605.001
Hỗ trợ lại suất được hưởng	25.691.605	-
Cộng	<u>2.557.841.867</u>	<u>406.973.383</u>

4. Chi phí tài chính

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí lãi vay	4.511.706.730	4.761.165.271
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	110.959.836	375.353.282
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	347.140.037	154.644.569
Lãi mua hàng trả chậm	12.458.591	134.307.807
Chi phí tài chính khác	-	354.578
Cộng	<u>4.982.265.194</u>	<u>5.425.825.507</u>

5. Chi phí bán hàng

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí khấu hao tài sản cố định	-	2.551.660
Chi phí dịch vụ mua ngoài	8.449.106.163	11.682.597.990
Cộng	<u>8.449.106.163</u>	<u>11.685.149.650</u>

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí cho nhân viên	7.945.542.170	5.867.596.845
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	-	35.647.728
Chi phí đồ dùng văn phòng	429.103.554	356.782.980
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.219.420.176	1.201.512.004
Thuế, phí và lệ phí	551.508.207	210.661.967
Chi phí dự phòng	5.629.333.970	6.497.014.922
Chi phí dịch vụ mua ngoài	6.285.157.558	5.132.258.962
Chi phí bằng tiền khác	3.215.972	515.044.266
Cộng	<u>23.063.281.607</u>	<u>19.816.519.674</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ NHÂN LỰC VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 14 Đặng Thùy Trâm, phường Cổ Nhuế 1, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

7. Thu nhập khác

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Thu tiền nhượng bán, thanh lý tài sản cố định	660.909.091	409.090.909
Thu từ bán vật liệu nổ	2.299.343.512	-
Thu từ nhượng lại dịch vụ nổ mìn và thiết kế kho	1.722.915.630	-
Thu từ bán tiền điện	215.531.299	156.983.794
Thu từ thanh lý phế liệu, vật tư	12.805.153.046	436.526.944
Thu từ cho thuê lán, trại	264.508.400	-
Thu từ khoản hỗ trợ, chiết khấu	497.058.782	-
Các khoản thu nhập khác	589.987.693	518.744.365
Cộng	<u>19.055.407.453</u>	<u>1.521.346.012</u>

8. Chi phí khác

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Giá trị còn lại tài sản cố định nhượng bán, thanh lý	219.127.483	177.468.471
Giá vốn vật liệu nổ	2.299.343.512	-
Chi phí dịch vụ nổ mìn	1.035.115.966	-
Chi phí tiền điện	206.741.992	68.082.148
Chi phí phạt chậm nộp Bảo hiểm	305.967.088	-
Giá trị vật tư thanh lý	13.859.382.516	369.324.422
Giá trị còn lại của tài sản cố định không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định	-	120.391.699
Chi phí thuế bị phạt	192.877.388	476.108.868
Giá trị còn lại của công cụ dụng cụ	-	194.082.660
Chi phí thuế TNDN đã nộp ở nước ngoài không được khấu trừ	530.616.235	183.771.423
Chi phí khác	347.978.287	309.749.585
Cộng	<u>18.997.150.467</u>	<u>1.898.979.276</u>

9. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	16.111.963.902	11.991.488.338
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:	-	-
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	16.111.963.902	11.991.488.338
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	7.334.306	5.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	<u>2.197</u>	<u>2.398</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ NHÂN LỰC VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 14 Đặng Thùy Trâm, phường Cổ Nhuế 1, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm được tính như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành đầu năm	5.000.000	5.000.000
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông mua lại	-	-
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông phát hành ngày 26 tháng 3 năm 2014	1.155.222	-
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông phát hành ngày 27 tháng 3 năm 2014	303.333	-
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông phát hành ngày 28 tháng 3 năm 2014	875.750	-
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	<u>7.334.306</u>	<u>5.000.000</u>

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

1. Các giao dịch không bằng tiền

Trong năm Công ty phát sinh các giao dịch không bằng tiền như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Khôi phục nguyên giá và hao mòn lũy kế của TSCĐ do Công ty TNHH CM Xây dựng bán cho Công ty Cổ phần Xây dựng và Nhân lực Việt Nam	-	-
<i>Nguyên giá</i>	<i>13.029.743.903</i>	-
<i>Hao mòn lũy kế</i>	<i>13.029.743.903</i>	-

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch với các bên liên quan

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan

Các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và các thành viên mật thiết trong gia đình các cá nhân này.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
<i>Hội đồng quản trị</i>		
Vay ngắn hạn HĐQT	-	1.800.000.000
Thanh toán tiền vay ngắn hạn cho HĐQT	-	200.000.000
Cho HĐQT vay không tính lãi	-	880.000.000
Cổ tức đã chi trả cho HĐQT	93.436.531	823.004.000
Thu tiền lãi cho vay	145.592.778	-

Tại ngày kết thúc năm tài chính, công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Hội đồng quản trị	223.974.424	-
Ban điều hành	49.139.286	-
Cộng nợ phải thu	<u>273.113.710</u>	<u>-</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ NHÂN LỰC VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 14 Đặng Thùy Trâm, phường Cổ Nhuế 1, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Hội đồng quản trị	173.596.663	1.601.000.000
Ban điều hành	-	8.683.000
Cộng nợ phải trả	173.596.663	1.609.683.000

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tiền lương	2.476.014.677	1.882.071.330
Phụ cấp	124.366.667	126.000.000
Cộng	2.600.381.344	2.008.071.330

2. Thông tin về bộ phận

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh dựa trên cơ cấu tổ chức và quản lý nội bộ và hệ thống Báo cáo tài chính nội bộ của Tập đoàn do các hoạt động kinh doanh của Tập đoàn được tổ chức và quản lý theo tính chất của sản phẩm và dịch vụ do Tập đoàn cung cấp với mỗi một bộ phận là một đơn vị kinh doanh cung cấp các sản phẩm khác nhau và phục vụ cho các thị trường khác nhau.

Lĩnh vực kinh doanh

Tập đoàn có các lĩnh vực kinh doanh chính sau:

- Lĩnh vực xây lắp: Xây dựng, lắp đặt công trình.
- Lĩnh vực thương mại: Bán vật tư, hàng hóa.
- Lĩnh vực dịch vụ: Cung cấp dịch vụ xuất khẩu lao động.

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Tập đoàn như sau:

	<u>Lĩnh vực xây lắp</u>	<u>Lĩnh vực thương mại</u>	<u>Lĩnh vực dịch vụ</u>	<u>Cộng</u>
Năm nay				
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	334.402.517.439	54.668.893.006	1.654.837.618	390.726.248.063
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	334.402.517.439	54.668.893.006	1.654.837.618	390.726.248.063
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	42.764.572.019	3.781.299.223	645.298.206	47.191.169.448
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận				(23.063.281.607)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh				24.127.887.841
Doanh thu hoạt động tài chính				2.557.841.867
Chi phí tài chính				(4.982.265.194)
Thu nhập khác				19.055.407.453
Chi phí khác				(18.997.150.467)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành				(5.649.757.598)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại				-
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp				16.111.963.902
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	5.935.730.719	970.386.916	29.373.793	6.935.491.429
Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	7.436.172.454	1.215.682.583	36.798.939	8.688.653.976

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ NHÂN LỰC VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 14 Đặng Thùy Trâm, phường Cổ Nhuế 1, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	Lĩnh vực xây lắp	Lĩnh vực thương mại	Lĩnh vực dịch vụ	Cộng
Năm trước				
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	156.144.407.359	108.826.628.114	2.548.488.592	267.519.524.065
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	156.144.407.359	108.826.628.114	2.548.488.592	267.519.524.065
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	35.163.963.526	7.928.451.641	(1.257.585.776)	41.834.829.391
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận				(19.816.519.674)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh				22.018.309.717
Doanh thu hoạt động tài chính				406.973.383
Chi phí tài chính				(5.425.825.507)
Thu nhập khác				1.521.346.012
Chi phí khác				(1.898.979.276)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành				(4.630.335.991)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại				-
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp				11.991.488.338
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	5.360.445.190	3.736.023.500	87.489.739	9.183.958.429
Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	5.711.162.479	3.980.459.920	93.213.921	9.784.836.320

Tài sản và nợ phải trả của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Tập đoàn như sau:

	Lĩnh vực xây lắp	Lĩnh vực thương mại	Lĩnh vực dịch vụ	Cộng
Số cuối năm				
Tài sản trực tiếp của bộ phận	40.345.448.994	6.632.832.444	254.521.626	47.232.803.064
Tài sản phân bổ cho bộ phận	78.767.038.301	12.949.380.418	496.906.471	92.213.325.190
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận				125.973.931.113
Tổng tài sản				265.420.059.367
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	43.037.493.705	-	605.021.600	43.642.515.305
Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận	80.270.380.484	-	1.128.441.967	81.398.822.451
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận				30.516.037.240
Tổng nợ phải trả				155.557.374.996
Số đầu năm				
Tài sản trực tiếp của bộ phận	68.525.818.441	6.043.626.583	235.644.953	74.805.089.977
Tài sản phân bổ cho bộ phận	101.121.704.518	8.918.416.962	347.734.910	110.387.856.390
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận				43.777.026.098
Tổng tài sản				228.969.972.465
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	44.312.498.129	122.000.000	2.524.281.600	46.958.779.729
Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận	86.671.088.013	238.620.551	4.937.257.929	91.846.966.493
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận				18.549.309.341
Tổng nợ phải trả				157.355.055.563

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ NHÂN LỰC VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 14 Đặng Thùy Trâm, phường Cổ Nhuế 1, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Khu vực địa lý

Hoạt động của Tập đoàn được phân bổ chủ yếu ở khu vực trong nước và khu vực nước ngoài.

Chi tiết doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài theo khu vực địa lý dựa trên vị trí của khách hàng như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Khu vực trong nước	280.821.212.384	74.491.610.274
Khu vực nước ngoài	109.905.035.679	193.027.913.791
Cộng	<u>390.726.248.063</u>	<u>267.519.524.065</u>

3. Quản lý rủi ro tài chính

Tổng quan

Hoạt động của Tập đoàn phát sinh các rủi ro tài chính sau: rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro thị trường. Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm trong việc thiết lập các chính sách và các kiểm soát nhằm giảm thiểu các rủi ro tài chính cũng như giám sát việc thực hiện các chính sách và các kiểm soát đã thiết lập. Việc quản lý rủi ro được thực hiện chủ yếu bởi Phòng Kế toán – Tài chính theo các chính sách và các thủ tục đã được Ban Tổng Giám đốc phê duyệt.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Tập đoàn.

Tập đoàn có các rủi ro tín dụng phát sinh chủ yếu từ các khoản phải thu khách hàng, tiền gửi ngân hàng, các khoản cho vay và các khoản phải thu khác.

Phải thu khách hàng

Tập đoàn giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt, yêu cầu mở thư tín dụng hoặc có tài sản đảm bảo đối với các đơn vị giao dịch lần đầu hay chưa có thông tin về khả năng tài chính. Ngoài ra, nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi.

Khoản phải thu khách hàng của Tập đoàn liên quan đến nhiều đơn vị và cá nhân nên rủi ro tín dụng tập trung đối với khoản phải thu khách hàng là thấp.

Tiền gửi ngân hàng

Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và không có kỳ hạn của Tập đoàn được gửi tại các ngân hàng có uy tín do vậy rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

Các khoản cho vay

Tập đoàn cho các thành viên quản lý chủ chốt vay tiền. Cá nhân này có uy tín và khả năng thanh toán tốt nên rủi ro tín dụng đối với các khoản cho vay là thấp.

Mức độ rủi ro tín dụng tối đa đối với các tài sản tài chính là giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính (xem thuyết minh số VIII.4 về giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính).

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ NHÂN LỰC VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 14 Đặng Thùy Trâm, phường Cổ Nhuế 1, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Bảng phân tích về thời gian quá hạn và giảm giá của các tài sản tài chính như sau:

	<u>Chưa quá hạn hay chưa bị giảm giá</u>	<u>Đã quá hạn và/hoặc bị giảm giá</u>	<u>Cộng</u>
Số cuối năm			
Tiền và các khoản tương đương tiền	55.032.397.239	-	55.032.397.239
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	6.283.904.420	-	6.283.904.420
Phải thu khách hàng	68.343.474.120	5.895.683.970	74.239.158.090
Các khoản cho vay	2.895.744.000	-	2.895.744.000
Các khoản phải thu khác	11.271.597.025	21.540.049.741	32.811.646.766
Cộng	143.827.116.804	27.435.733.711	171.262.850.515
Số đầu năm			
Tiền và các khoản tương đương tiền	18.399.828.721	-	18.399.828.721
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	500.000.000	-	500.000.000
Phải thu khách hàng	56.734.779.525	316.350.000	57.051.129.525
Các khoản cho vay	1.500.000.000	-	1.500.000.000
Các khoản phải thu khác	12.600.504.373	21.540.049.741	34.140.554.114
Cộng	89.735.112.619	21.856.399.741	111.591.512.360

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Tập đoàn gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Rủi ro thanh khoản của Tập đoàn chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Tập đoàn quản lý rủi ro thanh khoản thông qua các biện pháp: thường xuyên theo dõi các yêu cầu về thanh toán hiện tại và dự kiến trong tương lai để duy trì một lượng tiền cũng như các khoản vay ở mức phù hợp, giám sát các luồng tiền phát sinh thực tế với dự kiến nhằm giảm thiểu ảnh hưởng do biến động của luồng tiền.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính phi phái sinh dựa trên thời hạn thanh toán theo hợp đồng và chưa được chiết khấu như sau:

	<u>Từ 1 năm trở xuống</u>	<u>Trên 1 năm đến 5 năm</u>	<u>Trên 5 năm</u>	<u>Cộng</u>
Số cuối năm				
Vay và nợ	36.122.494.346	2.581.864.970	-	38.704.359.316
Phải trả người bán	34.300.937.147	8.402.335.864	-	42.703.273.011
Các khoản phải trả khác	13.619.008.983	125.121.600	-	13.744.130.583
Cộng	84.042.440.476	11.109.322.434	-	95.151.762.910
Số đầu năm				
Vay và nợ	42.773.421.956	2.883.365.290	-	45.656.787.246
Phải trả người bán	34.354.397.714	-	-	34.354.397.714
Các khoản phải trả khác	20.542.713.084	1.448.621.600	-	21.991.334.684
Cộng	97.670.532.754	4.331.986.890	-	102.002.519.644

COI * HUY *
M.S.C.

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ NHÂN LỰC VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 14 Đặng Thùy Trâm, phường Cổ Nhuế 1, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Ban Tổng Giám đốc cho rằng mức độ rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Tập đoàn có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn. Tập đoàn có đủ khả năng tiếp cận các nguồn vốn và các khoản vay đến hạn trong vòng 12 tháng có thể được gia hạn với các bên cho vay hiện tại.

Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường.

Rủi ro thị trường liên quan đến hoạt động của Tập đoàn gồm: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất, rủi ro về giá chứng khoán và rủi ro giá hàng hóa và nguyên vật liệu.

Các phân tích về độ nhạy, các đánh giá dưới đây liên quan đến tình hình tài chính của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 và ngày 31 tháng 12 năm 2014 trên cơ sở giá trị nợ thuần. Mức thay đổi của tỷ giá, lãi suất, giá chứng khoán, giá hàng hóa và nguyên vật liệu sử dụng để phân tích độ nhạy được dựa trên việc đánh giá khả năng có thể xảy ra trong vòng một năm tới với các điều kiện quan sát được của thị trường tại thời điểm hiện tại.

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

Tập đoàn nhập khẩu nguyên vật liệu phục vụ cho sản xuất và xuất khẩu sản phẩm với đồng tiền giao dịch chủ yếu là USD, LAK, MYR, DZD và THB do vậy bị ảnh hưởng bởi sự biến động của tỷ giá hối đoái.

Tập đoàn quản lý rủi ro liên quan đến biến động của tỷ giá hối đoái bằng cách tối ưu thời hạn thanh toán các khoản nợ, dự báo tỷ giá ngoại tệ, duy trì hợp lý cơ cấu vay và nợ giữa ngoại tệ và VND, lựa chọn thời điểm mua và thanh toán các khoản ngoại tệ tại thời điểm tỷ giá thấp, sử dụng tối ưu nguồn tiền hiện có để cân bằng giữa rủi ro tỷ giá và rủi ro thanh khoản.

Tài sản/(Nợ phải trả) thuần có gốc ngoại tệ của Tập đoàn như sau:

	Số cuối kỳ			Số đầu năm			
	USD	LAK	USD	LAK	MYR	DZD	THB
Tiền và các khoản tương đương tiền	199.136,32	2.413.920,00	31.938,51	-	-	-	-
Phải thu khách hàng	-	-	191.201,33	-	105.605,26	-	8.575.172,24
Phải trả người bán	-	-	-	(131.810.200)	-	(245.840)	-
Tài sản/(Nợ phải trả) thuần có gốc ngoại tệ	199.136,32	2.413.920,00	223.139,84	(131.810.200)	105.605,26	(245.840)	8.575.172,24

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, với giả định các biến số khác không thay đổi, nếu tỷ giá hối đoái giữa VND và USD tăng/giảm 2% thì lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu năm nay của Tập đoàn sẽ giảm/tăng 66.473.456 VND (năm trước giảm/tăng 70.617.106 VND) do ảnh hưởng của lỗ/lãi chênh lệch tỷ giá đánh giá lại số dư có gốc ngoại tệ của các công cụ tài chính.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, với giả định các biến số khác không thay đổi, nếu tỷ giá hối đoái giữa VND và LAK tăng/giảm 2% thì lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu năm nay của Tập đoàn

US300A
C
TRÁCH
KIỂM
T
ĐỒNG

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ NHÂN LỰC VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 14 Đặng Thùy Trâm, phường Cổ Nhuế 1, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

sẽ giảm/tăng 100.168 VND do ảnh hưởng của lỗ/lãi chênh lệch tỷ giá đánh giá lại số dư có gốc ngoại tệ của các công cụ tài chính.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro lãi suất của Tập đoàn chủ yếu liên quan đến các khoản cho vay và các khoản vay có lãi suất thả nổi.

Tập đoàn quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình thị trường để đưa ra các quyết định hợp lý trong việc chọn thời điểm vay và kỳ hạn vay thích hợp nhằm có được các lãi suất có lợi nhất cũng như duy trì cơ cấu vay với lãi suất thả nổi và cố định phù hợp.

Các công cụ tài chính có lãi suất thả nổi của Tập đoàn như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền và các khoản tương đương tiền	26.726.203.853	-
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	6.283.904.420	500.000.000
Các khoản cho vay	-	1.500.000.000
Vay và nợ	(38.704.359.316)	(45.656.787.246)
Nợ phải trả thuần	(5.694.251.043)	(43.656.787.246)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, với giả định các biến số khác không thay đổi, nếu lãi suất các khoản vay VND có lãi suất thả nổi tăng/giảm 2% thì lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu năm nay của Tập đoàn sẽ giảm/tăng 88.830.316 VND (năm trước giảm/tăng 654.851.809 VND).

Rủi ro về giá hàng hóa và nguyên vật liệu

Tập đoàn có rủi ro về sự biến động của giá hàng hóa và nguyên vật liệu. Tập đoàn quản lý rủi ro về giá hàng hóa và nguyên vật liệu bằng cách theo dõi chặt chẽ các thông tin và tình hình có liên quan của thị trường nhằm quản lý thời điểm mua hàng, kế hoạch sản xuất và mức hàng tồn kho một cách hợp lý.

Tài sản đảm bảo

Tập đoàn không có tài sản tài chính thế chấp cho các đơn vị khác cũng như nhận tài sản thế chấp từ các đơn vị khác tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 và tại ngày 31 tháng 12 năm 2013.

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ NHÂN LỰC VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 14, phố Đặng Thùy Trâm, Cổ Nhuê, Từ Liêm, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

4. Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính Tài sản tài chính

	Số cuối năm		Giá trị ghi sổ		Số đầu năm		Giá trị hợp lý	
	Giá gốc	Dự phòng	Dự phòng	Giá gốc	Giá gốc	Dự phòng	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền và các khoản tương đương tiền	55.032.397.239	-	-	18.399.828.721	-	-	55.032.397.239	18.399.828.721
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	6.283.904.420	-	-	500.000.000	-	-	6.283.904.420	500.000.000
Phải thu khách hàng	74.239.158.090	(5.895.683.970)	-	57.051.129.525	(316.350.000)	-	68.343.474.120	51.155.445.555
Các khoản cho vay	2.895.744.000	-	-	1.500.000.000	-	-	2.895.744.000	1.500.000.000
Các khoản phải thu khác	32.811.646.766	(6.462.014.922)	(6.462.014.922)	34.140.554.114	(6.462.014.922)	-	26.349.631.844	27.678.539.192
Cộng	171.262.850.515	(12.357.698.892)	(12.357.698.892)	111.591.512.360	(6.778.364.922)	(6.778.364.922)	158.905.151.623	99.233.813.468

Nợ phải trả tài chính

	Giá trị ghi sổ		Giá trị hợp lý	
	Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
Vay và nợ	38.704.359.316	45.656.787.246	38.704.359.316	45.656.787.246
Phải trả người bán	42.703.273.011	34.354.397.714	42.703.273.011	34.354.397.714
Các khoản phải trả khác	13.744.130.583	21.991.334.684	13.744.130.583	21.991.334.684
Cộng	95.151.762.910	102.002.519.644	95.151.762.910	102.002.519.644

Giá trị hợp lý của các tài sản và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên có đầy đủ hiểu biết và mong muốn giao dịch.

Tập đoàn sử dụng phương pháp và giá định sau để ước tính giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính: Giá trị hợp lý của tiền và các khoản tương đương tiền, phải thu khách hàng, cho vay, các khoản phải thu khác, vay, phải trả người bán và các khoản phải trả khác ngắn hạn tương đương giá trị sổ sách (đã trừ dự phòng cho phần ước tính có khả năng không thu hồi được) của các khoản mục này do có kỳ hạn ngắn.

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ NHÂN LỰC VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 14, phố Đặng Thùy Trâm, Cổ Nhuế, Từ Liêm, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Tập đoàn chưa thực hiện đánh giá chính thức các tài sản tài chính sẵn sàng để bán chưa niêm yết và không có giá giao dịch của 3 công ty chứng khoán công bố. Tuy nhiên, Ban Tổng Giám đốc đánh giá giá trị hợp lý của các tài sản tài chính này không có sự khác biệt trọng yếu so với giá trị ghi sổ.

5. Những thông tin khác

Số liệu so sánh được lấy theo Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2013 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và tư vấn A&C.

Lập, ngày 23 tháng 3 năm 2015

Người lập biểu

Ngô Văn Tĩnh

Kế toán trưởng

Đinh Thị Thủy

Tổng Giám đốc



Kim Ngọc Nhân







CMVietnam.

Số 14, phố Đặng Thùy Trâm
Bắc Từ Liêm, Hà Nội

Điện thoại: (84-4) 62690742

Fax: (84-4) 62690741

Email: info@cmvietnam.vn

www.cmvietnam.vn